



**BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM TIN HỌC**

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỲ

5

Tháng 3 - 2008

HỘI NGHỊ CHUYÊN ĐỀ VỀ CÔNG TÁC THANH TRA CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2008



Đ/c Đinh Tiến Dũng - Thứ trưởng Bộ Xây dựng phát biểu
tại Hội nghị



Toàn cảnh Hội nghị

THÔNG TIN
**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG

MỖI THÁNG 2 KỶ

TRUNG TÂM TIN HỌC PHÁT HÀNH

NĂM THỨ CHÍN

5

SỐ 5 - 3/2008



TRUNG TÂM TIN HỌC

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : 8.215.137 - 8.215.138

FAX : (04)9.741.709

Email: citc_bxd@hn.vnn.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Giới thiệu Chỉ thị số 09/2008/NĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác lập và quản lý quy hoạch xây dựng đô thị. 5
- Giới thiệu Quyết định số 17/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng giá chuẩn cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước chưa được cải tạo, xây dựng lại 6
- Giới thiệu Thông tư số 05/2008/TT-BXD của Bộ Xây dựng hướng dẫn điều chỉnh giá và hợp đồng xây dựng do biến động giá nguyên liệu, nhiên liệu và vật liệu xây dựng 7
- Giới thiệu Quyết định số 01/2008/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng ban hành Chương trình khung đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng 9
- Giới thiệu Quyết định số 02/2008/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng ban hành Quy định quản lý thông tin về năng lực của các tổ chức hoạt động xây dựng qua Trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng 11
- Giới thiệu Văn bản số 97/BXD-KTTC của Bộ Xây dựng công bố định mức chi phí lập, thẩm định Quy hoạch phát triển sản xuất vật liệu xây dựng 12

Văn bản của địa phương

- Giới thiệu Quyết định số 231/QĐ-XD của Sở Xây dựng Vĩnh Phúc ban hành chương trình hành động của ngành Xây dựng Vĩnh Phúc 13
- Giới thiệu Văn bản số 124/SXD-THKT của Sở Xây dựng Vĩnh Long hướng dẫn việc điều chỉnh dự toán xây dựng công trình tỉnh Vĩnh Long 14

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

TS. ĐẶNG KIM GIAO

Ban biên tập:

THS.KTS.NGUYỄN HÙNG OANH

(Trưởng ban)

CN.BẠCH MINH TUẤN (Phó ban)

KS. HUỖNH PHƯỚC

CN.ĐÀO THỊ MINH TÂM

CN.NGUYỄN THỊ HỒNG TRANG

CN. HOÀNG ĐẠI HẢI

CN. TRẦN HỒNG NHUNG

CN. NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC

Khoa học công nghệ xây dựng

- Nghiệm thu dự thảo tiêu chuẩn “Âm học - Đo đạc cách âm trong công trình và của các cấu kiện xây dựng – Phần 3: Phương pháp đo cách âm không khí của các cấu kiện xây dựng trong phòng thí nghiệm” 16

- Nghiệm thu “Hướng dẫn thiết kế, thi công lắp đặt, nghiệm thu và bảo trì cột mốc biên giới trên đất liền” 17

- Công nghệ Seraphin - hướng đi và triển vọng mới trong lĩnh vực xử lý chất thải rắn tại Việt Nam 18

- Một số dự án xây dựng công trình hạ tầng giao thông lớn trên thế giới 20

- Hội nghị cấp cao kết nối kinh doanh bất động sản Việt Nam 2008 23

- Ảnh hưởng của qui hoạch phát triển Hà Nội đến kiến trúc các làng ven đô Hà Nội 25

Thông tin

- Hội nghị chuyên đề về công tác thanh tra chuyên ngành xây dựng 28

- Hội thảo Kinh nghiệm của Hàn Quốc về mô hình phát triển và quản lý nhà ở xã hội 30

- Tổng công ty Đầu tư xây dựng cấp thoát nước và Môi trường Việt Nam tổng kết thực hiện kế hoạch năm 2007 và triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2008 31

- Tổng Công ty xây dựng và phát triển hạ tầng ổn định tổ chức, đa dạng hoá ngành nghề, sản phẩm với mục tiêu tăng trưởng - hiệu quả - phát triển 33

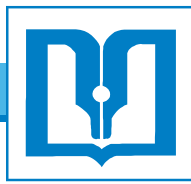
- Tổng công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị (HUD) - Vươn lên tầm cao mới 36

- Năm 2008 - năm đột phá của Tổng Công ty Thủy tinh & Gốm xây dựng (VIGLACERA) 37

- Dự thảo Đề án mô hình kiến trúc sư trưởng thành phố 39

- Trung Quốc siết chặt công tác quản lý chất lượng công trình 42

- **Tin xây dựng quốc tế qua mạng Internet** 45



VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

Giới thiệu Chỉ thị số 09/2008/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác lập và quản lý quy hoạch xây dựng đô thị

Ngày 28/02/2008 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 09/2008/CT-TTg về việc tăng cường công tác lập và quản lý quy hoạch xây dựng đô thị.

Chỉ thị này được ban hành nhằm chấn chỉnh và khắc phục những tồn tại và bất cập trong công tác quy hoạch xây dựng, nội dung đồ án quy hoạch xây dựng, việc công khai và cung cấp thông tin quy hoạch xây dựng, công tác đầu tư xây dựng tại các khu đô thị mới, nguồn vốn cho công tác lập quy hoạch xây dựng, quy hoạch chi tiết và sự phối hợp giữa các quy hoạch phát triển kinh tế- xã hội, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch ngành và quy hoạch xây dựng với nhau.

Tại Chỉ thị này, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương rà soát nội dung và quy trình thực hiện công tác lập và phê duyệt quy hoạch xây dựng, tập huấn, hướng dẫn các tổ chức cá nhân làm công tác quy hoạch và quản lý xây dựng ở các địa phương; Tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc các địa phương việc quản lý quy hoạch xây dựng, đặc biệt là công tác công khai và cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng; Khẩn trương hoàn thành lập quy hoạch xây dựng các vùng kinh tế trọng điểm, vùng Thủ đô Hà Nội và vùng thành phố Hồ Chí Minh để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong quý I năm 2008; Tổ chức các lớp đào tạo trong nước và quốc tế về bồi dưỡng nâng cao kiến thức cho các đơn vị tư vấn lập quy hoạch xây dựng; Bồi dưỡng nâng cao kiến thức và kỹ năng quản lý cho cán bộ, công chức làm công tác quản lý quy hoạch xây dựng; Tổ chức hội nghị quy hoạch và phát triển đô thị trong quý III năm 2008; Chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành liên quan khẩn trương soạn thảo dự án luật Quy hoạch đô thị

Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan hoàn thiện về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và bộ máy quản lý đô thị theo đúng hướng tăng cường quyền hạn, trách nhiệm và tính chủ động cho chính quyền đô thị các cấp; phối hợp với Bộ Xây dựng tổ chức các lớp đào tạo cán bộ quản lý đô thị.

Đối với các địa phương, Thủ tướng yêu cầu Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ưu tiên dành nguồn vốn ngân sách nhà nước cho công tác lập quy hoạch chi tiết xây dựng tại các đô thị; Tăng cường biên chế và nâng cao năng lực của các cơ quan quản lý quy hoạch các cấp đặc biệt là cấp huyện; Tổ chức quản lý thực hiện các đồ án quy hoạch xây dựng được duyệt, ban hành Quy chế quản lý kiến trúc đô thị, tổ chức công bố và công khai các đồ án quy hoạch xây dựng; Thành lập, bố trí địa điểm và nguồn kinh phí hoạt động cho các trung tâm dữ liệu thông tin về quy hoạch trên cơ sở xây dựng hệ thống thông tin địa lý (GIS), thiết lập sa bàn (mô hình) theo đồ án quy hoạch xây dựng và tình hình triển khai các dự án đầu tư xây dựng theo quy hoạch; Tăng cường kiểm tra việc thực hiện dự án đầu tư xây dựng và công trình xây dựng theo quy hoạch xây dựng được duyệt; Xử lý kiên quyết và dứt điểm các trường hợp vi phạm trật tự xây dựng, điều chỉnh quy hoạch xây dựng không đúng thẩm quyền và quy định của pháp luật, xây dựng không đúng với quy hoạch... .

Bộ Xây dựng chủ trì phối hợp với các Bộ ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn, theo dõi và định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả triển khai thực hiện Chỉ thị này.

(Xem toàn văn tại: www.vietnam.gov.vn)

Giới thiệu Quyết định số 17/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng giá chuẩn cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước chưa được cải tạo, xây dựng lại

Ngày 28/01/2008, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 17/2008/QĐ-TTg về việc ban hành bảng giá chuẩn cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước chưa được cải tạo, xây dựng lại.

Quyết định này gồm 8 Điều quy định các nội dung liên quan đến việc ban hành bảng giá chuẩn cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước chưa được cải tạo, xây dựng lại như: Bảng giá chuẩn cho thuê nhà ở; Đối tượng áp dụng, Các đối tượng được miễn giảm tiền thuê nhà ở; Quyền và trách nhiệm của bên thuê nhà ở; và Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc thực hiện Quyết định này.

Giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước mà chưa được cải tạo, xây dựng lại được tính theo loại nhà và cấp nhà gồm: Biệt thự và Nhà ở thông thường với 4 cấp (hạng). Việc xác định cấp, hạng nhà ở thực hiện theo quy định tại Thông tư số 05-BXD/ĐT ngày 09/2/1993 của Bộ Xây dựng “về việc hướng dẫn phương pháp xác định diện tích sử dụng và phân cấp nhà ở”.

Bảng giá chuẩn cho thuê nhà ở theo Quyết định này không áp dụng đối với nhà ở thuộc sở hữu nhà nước đã được cải tạo, xây dựng lại; nhà ở công vụ; nhà ở xã hội được xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Đối với nhà ở thuộc sở hữu nhà nước đã được cải tạo, xây dựng lại thì giá cho thuê nhà ở thực hiện theo giá cho thuê nhà ở xã hội quy định tại Nghị định số 90/2006/NĐ-CP ngày 06/9/2006 của Chính phủ về “Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành luật Nhà ở”.

Việc miễn, giảm tiền thuê nhà đối với nhà ở mà Nhà nước chưa tiến hành cải tạo, xây dựng lại được thực hiện như sau:

Miễn tiền thuê nhà ở cho các đối tượng: Người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng; Anh

hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động; thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B, bệnh binh có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động do thương tật, bệnh tật từ 81% trở lên; thân nhân của liệt sỹ đang hưởng tiền tuất nuôi dưỡng hàng tháng.

Giảm tiền thuê nhà ở cho các đối tượng: Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B, bệnh binh có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động do thương tật, bệnh tật từ 61% đến 80% được giảm 90% tiền thuê nhà ở phải nộp; Người gia nhập tổ chức cách mạng trong khoảng thời gian từ 01/01/1945 đến trước Tổng khởi nghĩa 19/8/1945 (theo Điều 10 của Pháp lệnh Ưu đãi người có công năm 2005), thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B, bệnh binh có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động do thương tật, bệnh tật từ 41% đến 60% được giảm 80% tiền thuê nhà ở phải nộp; Thân nhân liệt sỹ quy định tại khoản 1 Điều 14 của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng; thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động do thương tật từ 21% đến 40%; người có công giúp đỡ cách mạng đang hưởng trợ cấp hàng tháng; người có công giúp đỡ cách mạng được tặng Kỷ niệm chương "Tổ quốc ghi công" hoặc Bằng "Có công với nước", người có công giúp đỡ cách mạng trong gia đình được tặng Kỷ niệm chương "Tổ quốc ghi công" hoặc Bằng "Có công với nước" được giảm 70% tiền thuê nhà ở phải nộp; Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù đày; người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế được tặng Huân chương

kháng chiến hạng I hoặc Huân chương chiến thắng hạng I được giảm 65% tiền thuê nhà ở phải nộp

Các điều kiện để được miễn, giảm tiền thuê nhà ở bao gồm:

- Người được miễn, giảm tiền thuê nhà ở phải là người có tên trong hợp đồng thuê nhà ở (bao gồm người đại diện và các thành viên khác có tên trong hợp đồng thuê nhà);

- Trường hợp một người thuộc đối tượng được hưởng nhiều chế độ miễn, giảm tiền thuê nhà ở thì được áp dụng mức cao nhất để tính.

- Trường hợp một hộ gia đình có từ 02 người trở lên thuộc diện được giảm tiền thuê nhà ở thì được miễn tiền thuê nhà ở.

Quyết định này cũng quy định cụ thể về quyền và trách nhiệm của bên thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước như việc bên thuê phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính của mình đối với nhà ở thuê, sử dụng nhà ở đúng mục đích và không được tự ý cho người khác thuê lại nhà ở. Cần lưu ý, trong trường hợp bên thuê nhà ở không trả tiền thuê nhà liên tiếp 03 tháng trở lên mà không có lý do chính đáng (như đi công tác, học tập, chữa bệnh hoặc gặp rủi ro chưa có điều kiện nộp tiền) thì áp dụng theo các quy

định của pháp luật về nhà ở để xử lý.

Căn cứ theo Bảng giá chuẩn được quy định tại Quyết định này, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định giá cho thuê cụ thể đối với quỹ nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước trên địa bàn đảm bảo phù hợp với cấp đô thị, vị trí, tầng cao và điều kiện hạ tầng kỹ thuật của nhà ở cho thuê theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

Bộ Xây dựng có trách nhiệm quy định các hệ số điều chỉnh giá cho phù hợp với cấp đô thị, vị trí, tầng cao và điều kiện hạ tầng kỹ thuật của nhà ở cho thuê và phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn việc thu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cho thuê nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước theo nguyên tắc đảm bảo kinh phí cho công tác quản lý, duy tu, sửa chữa nhằm duy trì chất lượng quỹ nhà ở cho thuê.

Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày đăng công báo và thay thế Quyết định số 118/TTg ngày 27/11/1992 của Thủ tướng Chính phủ về giá cho thuê nhà ở và đưa tiền nhà ở vào tiền lương. Các quy định trái với Quyết định này được bãi bỏ.

(Xem toàn văn tại: www.vietnam.gov.vn)

Giới thiệu Thông tư số 05/2008/TT-BXD của Bộ Xây dựng hướng dẫn điều chỉnh giá và hợp đồng xây dựng do biến động giá nguyên liệu, nhiên liệu và vật liệu xây dựng

Ngày 22/02/2008 Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 05/2008/TT-BXD về hướng dẫn điều chỉnh giá và hợp đồng xây dựng do biến động giá nguyên liệu, nhiên liệu và vật liệu xây dựng

Phạm vi và đối tượng áp dụng Thông tư này bao gồm: việc điều chỉnh giá vật liệu xây dựng được áp dụng đối với các gói thầu đã và đang triển khai thực hiện theo hình thức giá hợp đồng trọn gói, giá hợp đồng theo đơn giá cố định; Điều chỉnh hình thức giá hợp đồng đối với các

hợp đồng đã lỡ thực hiện hình thức giá hợp đồng trọn gói, giá hợp đồng theo đơn giá cố định thành giá hợp đồng theo giá điều chỉnh do giá vật liệu xây dựng biến động ngoài khả năng kiểm soát của chủ đầu tư và nhà thầu

Việc điều chỉnh được tiến hành theo các nguyên tắc sau:

- Điều chỉnh giá vật liệu xây dựng được tính cho khối lượng thi công xây lắp từ năm 2007 chịu ảnh hưởng của biến động giá vật liệu xây dựng làm tăng chi phí xây dựng công trình

ngoài khả năng kiểm soát của chủ đầu tư và nhà thầu (khối lượng xây lắp bị ảnh hưởng tăng giá). Mức điều chỉnh giá cho khối lượng xây lắp bị ảnh hưởng tăng giá do chủ đầu tư và nhà thầu xác định và tự chịu trách nhiệm.

- Khi điều chỉnh hình thức giá hợp đồng trọn gói, giá hợp đồng theo đơn giá cố định sang hình thức giá hợp đồng theo giá điều chỉnh, cần xác định rõ các nội dung điều chỉnh như: phạm vi điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, căn cứ điều chỉnh, thời điểm điều chỉnh... và được tính từ thời điểm có biến động giá do chủ đầu tư và nhà thầu xác định phù hợp với tiến độ thực hiện.

- Việc điều chỉnh giá vật liệu xây dựng dẫn đến vượt tổng mức đầu tư đã được phê duyệt và ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư của dự án sử dụng vốn nhà nước thì chủ đầu tư báo cáo người quyết định đầu tư xem xét quyết định.

- Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình thực hiện theo Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình thì việc điều chỉnh chi phí đầu tư xây dựng công trình thực hiện theo quy định tại Nghị định số 99/2007/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thực hiện Nghị định.

Về phương pháp điều chỉnh giá vật liệu xây dựng:

- Điều chỉnh giá vật liệu xây dựng được xác định cho từng hợp đồng thi công xây dựng công trình, từng gói thầu và cho cả dự án. Phần chi phí bổ sung do điều chỉnh giá vật liệu xây dựng được xác định bằng dự toán chi phí xây dựng bổ sung và là căn cứ để điều chỉnh giá hợp đồng, giá gói thầu, điều chỉnh dự toán công trình và tổng mức đầu tư. Tùy theo nội dung của từng hợp đồng cụ thể, dự toán chi phí bổ sung có thể xác định bằng hệ số điều chỉnh chi phí vật liệu hoặc bằng cách tính bù trừ chi phí vật liệu trực tiếp.

Việc điều chỉnh dự toán xây dựng công trình được thực hiện như sau:

- Đối với các gói thầu đã chỉ định thầu và tự thực hiện dự án, đã có kết quả lựa chọn nhà thầu nhưng chưa ký hợp đồng xây dựng hoặc hợp đồng đang thực hiện (theo giá hợp đồng trọn gói, giá hợp đồng theo đơn giá cố định) thì

chủ đầu tư xác định dự toán chi phí xây dựng bổ sung theo hướng dẫn của Thông tư này làm căn cứ điều chỉnh dự toán xây dựng công trình.

- Đối với các gói thầu, hạng mục công trình, công trình chưa lựa chọn nhà thầu thì chủ đầu tư tiến hành điều chỉnh dự toán theo các quy định hiện hành.

- Dự toán xây dựng công trình điều chỉnh được xác định bằng cách cộng dự toán xây dựng công trình đã phê duyệt với các dự toán chi phí xây dựng bổ sung.

Về điều chỉnh giá gói thầu sau khi đã lập dự toán chi phí xây dựng bổ sung:

Chủ đầu tư điều chỉnh giá gói thầu bằng cách cộng giá trúng thầu đã được phê duyệt với dự toán chi phí xây dựng bổ sung. Đối với dự án sử dụng vốn nhà nước, trường hợp giá gói thầu sau khi điều chỉnh không vượt giá gói thầu đã được phê duyệt thì chủ đầu tư quyết định phê duyệt. Trường hợp giá gói thầu sau khi điều chỉnh vượt giá gói thầu đã được phê duyệt nhưng không vượt tổng mức đầu tư thì chủ đầu tư quyết định phê duyệt và gửi kết quả để báo cáo người quyết định đầu tư. Trường hợp giá gói thầu sau khi điều chỉnh vượt tổng mức đầu tư đã được phê duyệt thì chủ đầu tư báo cáo người quyết định đầu tư xem xét quyết định.

Thẩm quyền quyết định điều chỉnh tổng mức đầu tư: Đối với dự án sử dụng vốn nhà nước, khi điều chỉnh giá vật liệu xây dựng làm vượt tổng mức đầu tư đã được phê duyệt và ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư dự án thì chủ đầu tư báo cáo người quyết định đầu tư xem xét quyết định. Trường hợp dự án do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư thì Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch tập đoàn kinh tế, Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Nhà nước quyết định.

Điều chỉnh hợp đồng sau khi đã lập dự toán chi phí xây dựng bổ sung được thực hiện như sau:

- Đối với những hợp đồng đã ký kết, thì căn cứ vào dự toán chi phí xây dựng bổ sung và nội dung hợp đồng, chủ đầu tư và nhà thầu ký bổ sung giá hợp đồng làm cơ sở thanh toán hợp đồng.

- Đối với những gói thầu đã có kết quả lựa chọn nhưng chưa ký hợp đồng, chủ đầu tư căn cứ dự toán chi phí xây dựng bổ sung và nội dung hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu để đàm phán và ký kết hợp đồng

- Đối với trường hợp điều chỉnh hình thức giá hợp đồng từ giá hợp đồng trọn gói, giá hợp đồng theo đơn giá cố định sang hình thức giá hợp đồng theo giá điều chỉnh thì chủ đầu tư báo cáo người quyết định đầu tư các nội dung điều chỉnh (phạm vi điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, căn cứ điều chỉnh, thời điểm điều chỉnh..) cho phép trước khi thực hiện. Nội dung hợp đồng xây dựng theo quy định tại Thông tư số 06/2007/TT-BXD ngày 25/7/1007 của Bộ Xây dựng hướng dẫn hợp đồng trong hoạt động xây

dựng. Trường hợp dự án sử dụng vốn nhà nước do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch đầu thầu thì Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch tập đoàn kinh tế, Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Nhà nước quyết định.

Đối với các hợp đồng xây dựng đã được thanh toán xong trong năm 2007 thì không điều chỉnh giá vật liệu xây dựng theo hướng dẫn của Thông tư này.

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng công báo.

(Xem toàn văn tại: www.moc.gov.vn)

Giới thiệu Quyết định số 01/2008/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng ban hành Chương trình khung đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng

Ngày 01/02/2008, Bộ Xây dựng đã ban hành Quyết định số 01/2008/QĐ-BXD ban hành Chương trình khung đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng.

Chương trình khung này là cơ sở để biên soạn tài liệu giảng dạy và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng. Giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng theo quy định tại Quyết định này là căn cứ để cấp chứng chỉ Kỹ sư định giá xây dựng

Đối tượng đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng là các tổ chức, cá nhân trực tiếp tham gia hoạt động định giá xây dựng và các tổ chức, cá nhân khác có nhu cầu.

Theo Quyết định này, các cơ sở đào tạo có đủ các điều kiện sau thì được tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng:

- Có quyết định thành lập của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền; Có chức năng, nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ thuộc các lĩnh vực chuyên môn liên quan đến định giá trong hoạt

động xây dựng;

- Có chương trình, tài liệu giảng dạy phù hợp với chương trình khung do Bộ Xây dựng ban hành;

- Có đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm giảng dạy đáp ứng các yêu cầu nội dung Chương trình khung do Bộ Xây dựng ban hành. Giảng viên là các nhà giáo chuyên nghiệp hoặc các chuyên gia và các nhà quản lý có kinh nghiệm từ 05 năm trở lên trong lĩnh vực định giá xây dựng.

Trước khi tiến hành đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng, các cơ sở đào tạo gửi về Bộ Xây dựng 01 hồ sơ để kiểm tra, đưa lên Website của Bộ Xây dựng. Hồ sơ bao gồm: Tài liệu pháp lý (quyết định thành lập của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền và giao chức năng, nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ; tên, địa chỉ liên hệ, người đại diện theo pháp luật), Danh sách đội ngũ giảng viên (theo mẫu tại Phụ lục 2 kèm theo chương trình này)

Cơ sở đào tạo được chủ động tổ chức đào

tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng nhưng phải thực hiện các trách nhiệm sau:

- Trước khi tổ chức khóa đào tạo phải thông báo bằng văn bản tới Sở Xây dựng, nơi tổ chức đào tạo và Bộ Xây dựng;

- Tự chịu trách nhiệm về cơ sở vật chất, giảng viên, chương trình và chất lượng đào tạo;

- Xây dựng quy chế đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng. Tổ chức đào tạo theo hình thức tập trung, liên tục, đảm bảo quản lý chặt chẽ về thời gian đào tạo, tuân thủ nội dung Chương trình khung do Bộ Xây dựng ban hành; tài liệu đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng do Bộ Xây dựng công bố và các quy định của pháp luật có liên quan.

- Sử dụng giảng viên theo danh sách trong hồ sơ đã gửi về Bộ Xây dựng

- Cấp giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo cho học viên theo mẫu tại Phụ lục 1 kèm theo chương trình này.

- Định kỳ 6 tháng một lần báo cáo kết quả đào tạo về Sở Xây dựng địa phương, nơi đặt trụ sở chính.

Bộ Xây dựng, Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất việc thực hiện quy định về đào tạo và cấp giấy chứng nhận đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng của các cơ sở đào tạo.

Sở Xây dựng là cơ quan quản lý đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng tại địa phương. Sở Xây dựng có trách nhiệm báo cáo Bộ Xây dựng định kỳ 06 tháng một lần (hoặc báo cáo đột xuất nếu có yêu cầu) về tình hình quản lý đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng của địa phương.

Chương trình khung đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng bao gồm 10 chuyên đề với thời lượng 84 tiết.

Chuyên đề 1 (12 tiết): *Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định hiện hành* : gồm các nội dung chủ yếu: Những nội dung cơ bản của hệ thống pháp luật có liên quan đến đầu tư xây dựng công trình: Luật Xây dựng,

Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu, Luật Đất đai; Trình tự lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình; Điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình; Tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Điều kiện năng lực của các chủ thể tham gia trong quá trình đầu tư xây dựng công trình.

Chuyên đề 2 (4 tiết): *Tổng quan về công tác định giá xây dựng*: Khái niệm về định giá xây dựng; Những đặc điểm của thị trường xây dựng, sản phẩm xây dựng và công nghệ xây dựng đối với công tác định giá xây dựng; Nội dung, nhiệm vụ định giá xây dựng; Chế độ hành nghề kỹ sư định giá xây dựng, tư vấn quản lý chi phí; Mối quan hệ giữa giá xây dựng công trình với độ dài thời gian xây dựng, chất lượng công trình xây dựng; Quản lý công tác định giá xây dựng.

Chuyên đề 3 (12 tiết): *Phương pháp xác định tổng mức đầu tư và đánh giá hiệu quả dự án đầu tư xây dựng công trình*: Lập kế hoạch chi phí chuẩn bị dự án; Phương pháp xác định tổng mức đầu tư của dự án; Phương pháp xác định suất vốn đầu tư; Phương pháp xác định chỉ số giá; Phương pháp xác định hiệu quả đầu tư của dự án; Phương pháp đánh giá rủi ro và hiệu quả của dự án.

Chuyên đề 4 (16 tiết): *Phương pháp xác định định mức, đơn giá xây dựng công trình*: Phương pháp xây dựng định mức xây dựng; Phương pháp xác định đơn giá xây dựng công trình; Phương pháp xác định giá ca máy, giá thuê máy; Phương pháp xác định độ dài thời gian xây dựng; Cách sử dụng các chỉ tiêu kinh tế-kỹ thuật trong định giá xây dựng.

Chuyên đề 5 (8 tiết): *Phương pháp đo bóc khối lượng và kiểm soát chi phí*: Nguyên tắc, căn cứ, trình tự đo bóc khối lượng; Phương pháp đo bóc khối lượng và sử dụng kết quả đo bóc khối lượng trong công tác định giá xây dựng; Kiểm soát khống chế chi phí theo các giai đoạn đầu tư xây dựng công trình.

Chuyên đề 6 (4 tiết): *Phương pháp xác định dự toán xây dựng công trình*: Sự hình thành các khoản mục chi phí công trình và cách xác định;

Phương pháp xác định dự toán xây dựng công trình; Quản lý dự toán xây dựng công trình.

Chuyên đề 7 (8 tiết): *Lựa chọn nhà thầu trong hoạt động xây dựng*: Những quy định chủ yếu liên quan đến lựa chọn nhà thầu trong hoạt động xây dựng; Lập kế hoạch đấu thầu và xác định giá gói thầu trong kế hoạch đấu thầu; Xác định các yêu cầu liên quan đến đề xuất tài chính và giá dự thầu; Lập hồ sơ đề xuất tài chính và tính toán xác định giá dự thầu; Đánh giá đề xuất tài chính và giá dự thầu.

Chuyên đề 8 (8 tiết): *Quản lý hợp đồng trong hoạt động xây dựng*: Các loại hợp đồng trong hoạt động xây dựng; Nguyên tắc ký kết hợp đồng xây dựng; Những nội dung chủ yếu của hợp đồng xây dựng; Xác định giá hợp đồng xây dựng; Điều chỉnh giá hợp đồng; Thanh toán, quyết toán hợp đồng; Quản lý hợp đồng xây dựng.

Chuyên đề 9 (4 tiết): *Thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình*: Lập hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư; Quy đổi vốn đầu tư xây dựng công trình; Xác định giá trị tài sản bàn giao đưa vào sử dụng.

Chuyên đề 10 (8 tiết): Thảo luận các nội dung liên quan đến chuyên đề 3,4,5,6 (sau khi kết thúc chuyên đề 6) - thời gian thảo luận 04 tiết; Thảo luận những nội dung liên quan đến chuyên đề 7,8,9 (Sau khi kết thúc chuyên đề 9) - thời gian thảo luận 04 tiết; Kiểm tra trắc nghiệm tùy theo nội dung của từng chuyên đề hoặc bài tập tình huống (30 phút); Kiểm tra trắc nghiệm toàn bộ nội dung chương trình (cuối khóa học) (120 phút).

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

(Xem toàn văn tại: www.moc.gov.vn)

Giới thiệu Quyết định số 02/2008/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng ban hành Quy định quản lý thông tin về năng lực của các tổ chức hoạt động xây dựng qua Trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng

Ngày 20/02/2008, Bộ Xây dựng đã ban hành Quyết định số 02/2008/QĐ-BXD về việc ban hành Quy định quản lý thông tin về năng lực của các tổ chức hoạt động xây dựng qua Trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo.

Quy định quản lý thông tin về năng lực của các tổ chức hoạt động xây dựng qua Trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng được ban hành nhằm mục tiêu: Quản lý năng lực và tình hình hoạt động xây dựng thông qua việc cung cấp thông tin của các tổ chức hoạt động xây dựng; Giúp các chủ đầu tư và các cơ quan liên quan có thông tin về năng lực của các tổ chức trong và ngoài nước tham gia hoạt động xây dựng tại Việt Nam; Giúp các tổ chức hoạt động

xây dựng quảng bá về năng lực và hoạt động của mình, thực hiện công khai và làm lành mạnh hoá thị trường xây dựng; Giúp các cơ quan quản lý nhà nước có cơ sở để đánh giá, bình chọn, xếp hạng năng lực hoạt động xây dựng của các tổ chức nhằm đề xuất cơ chế, chính sách thúc đẩy sự phát triển và nâng cao năng lực của các tổ chức hoạt động xây dựng.

Quy định này quy định việc cung cấp, khai thác và quản lý hệ thống thông tin về năng lực và tình hình hoạt động của các tổ chức trong nước và nước ngoài hoạt động tư vấn xây dựng và thi công xây dựng tại Việt Nam qua Trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng.

Các tổ chức trực tiếp tham gia hoạt động xây dựng tại Việt Nam có trách nhiệm đăng ký các thông tin liên quan đến hoạt động xây dựng

theo quy định tại Quy định này. Nội dung thông tin liên quan trực tiếp đến hoạt động về tư vấn xây dựng, thi công xây dựng mà tổ chức đó thực hiện.

Các thông tin về tổ chức hoạt động xây dựng được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng là một trong những cơ sở để chủ đầu tư tham khảo về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu trong quá trình lựa chọn nhà thầu thực hiện các gói thầu tư vấn xây dựng và thi công xây dựng. Mọi tổ chức, cá nhân có thể tìm kiếm, truy cập thông tin miễn phí trên Trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng.

Người đứng đầu các tổ chức tham gia hoạt

động xây dựng khi cung cấp thông tin để đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng phải đảm bảo trung thực, chính xác và phải ghi rõ họ tên, chức danh, địa chỉ nơi đặt trụ sở làm việc của tổ chức. Việc cung cấp thông tin được thực hiện theo các hình thức: gửi văn bản thông qua bưu điện hoặc gửi trực tiếp, thư điện tử, fax... Khi có sự thay đổi các thông tin, chậm nhất 30 ngày kể từ ngày thay đổi thông tin, tổ chức hoạt động xây dựng có trách nhiệm cung cấp thông tin kịp thời để điều chỉnh các thông tin đã đăng tải.

(Xem toàn văn tại: www.moc.gov.vn)

Giới thiệu Văn bản số 97/BXD-KTTC của Bộ Xây dựng công bố định mức chi phí lập, thẩm định Quy hoạch phát triển sản xuất vật liệu xây dựng

Ngày 17/01/2008 Bộ Xây dựng đã ban hành Văn bản số 97/BXD-KTTC gửi các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương công bố Định mức chi phí lập, thẩm định quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng để các cơ quan, tổ chức có liên quan sử dụng vào việc lập, thẩm định và quản lý chi phí lập, thẩm định quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng.

Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng gồm: Quy hoạch tổng thể phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam, quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng vùng, quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, quy hoạch phát triển sản phẩm vật liệu xây dựng chủ yếu được quy định tại Điều 9, Mục I, Chương II, Nghị định 124/2007/NĐ-CP ngày 31/7/2007 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng.

Định mức chi phí cho dự án quy hoạch và dự án điều chỉnh quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng là mức chi để thực hiện toàn bộ nội dung

công việc theo trình tự lập, thẩm định và trình duyệt dự án, không bao gồm chi phí để thực hiện các công việc thăm dò, khảo sát địa chất, địa vật lý, đo vẽ bản đồ, tổ chức đấu thầu, thuê giá trị gia tăng.

Định mức chi phí này là cơ sở để xây dựng dự toán và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; việc quản lý và sử dụng chi phí theo chế độ tài chính hiện hành.

Phần II của Văn bản này đề cập chi tiết Định mức chi phí cho dự án quy hoạch và dự án điều chỉnh quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng.

Định mức chi phí cho dự án quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng được xác định trên cơ sở định mức chi phí cho dự án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, vùng, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương với các mức cụ thể sau: Mức vốn cho dự án Quy hoạch tổng thể phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam được tính không vượt quá 30% mức vốn tối đa của dự án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của cả nước. Mức vốn cho dự án quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng vùng được

tính không vượt quá 30% mức vốn tối đa của dự án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng. Mức vốn cho dự án quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được tính không vượt quá 30% mức vốn tối đa của dự án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cấp tỉnh. Mức vốn cho dự án quy hoạch phát triển sản phẩm vật liệu xây dựng chủ yếu như xi măng, vật liệu ốp lát, sứ vệ sinh, kính xây dựng được tính không vượt quá 30% mức vốn tối đa của dự án quy hoạch tổng thể phát triển VLXD Việt Nam.

Ngoài ra trong Khoản 2, Mục I, Phần II của

Văn bản này còn nêu chi tiết Định mức chi phí cho các khoản mục chi phí theo trình tự lập, thẩm định và phê duyệt dự án quy hoạch tổng thể phát triển vật liệu xây dựng, quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng vùng, quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, quy hoạch cho sản phẩm VLXD chủ yếu.

Trong Mục II, Phần II của Văn bản này là Định mức chi phí cho dự án điều chỉnh quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng...

(Văn bản số 97/BXD-KTTC Bộ Xây dựng)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Giới thiệu Quyết định số 231/QĐ-XD của Sở Xây dựng Vĩnh Phúc ban hành chương trình hành động của ngành Xây dựng Vĩnh Phúc

Ngày 20/2/2008, Sở Xây dựng Vĩnh Phúc đã ban hành Quyết định số 231/QĐ-XD ban hành chương trình hành động của ngành Xây dựng Vĩnh Phúc thực hiện Quyết định số 1469/QĐ-BXD ngày 11/12/2007 của Bộ Xây dựng về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới WTO.

Mục tiêu của chương trình hành động này nhằm:

- Cụ thể hóa nhiệm vụ, kế hoạch công tác của ngành Xây dựng Vĩnh Phúc trong giai đoạn 2007-2012 cho phù hợp với chương trình hành động của ngành Xây dựng Việt Nam và của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;

- Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức, đơn giá đã hết hiệu lực không còn phù hợp để kiến nghị cấp có thẩm quyền bãi bỏ, điều chỉnh sửa đổi đảm bảo yêu cầu, phù hợp với thông lệ quốc tế.

Tham mưu giúp UBND tỉnh ban hành các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về Xây dựng để thực hiện trên địa bàn tỉnh;

- Tiếp tục xây dựng điều chỉnh quy hoạch từng lĩnh vực của ngành, xây dựng các kế hoạch dài hạn, kế hoạch năm năm và hàng năm của ngành;

- Kiện toàn tổ chức, phát triển lực lượng và nâng cao chất lượng sản phẩm xây dựng để tăng cường sức cạnh tranh trên thị trường, đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế khi hội nhập với thế giới.

Chương trình hành động của Sở Xây dựng Vĩnh Phúc đề ra 8 nhiệm vụ và giải pháp cụ thể bao gồm:

- Tuyên truyền và phổ biến kiến thức về WTO;

- Rà soát kiến nghị sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật cho phù hợp với cam kết gia nhập WTO;

- Rà soát kiến nghị sửa đổi các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng, định mức đơn giá không còn phù hợp;

- Nâng cao chất lượng sản phẩm vật liệu xây dựng để tăng cường sức cạnh tranh;

- Phát triển lực lượng hoạt động xây dựng đáp ứng tình hình hội nhập quốc tế;

- Thực hiện công tác quản lý Nhà nước trong lĩnh vực xây dựng;

- Kện toàn tổ chức để nâng cao chất lượng quản lý Nhà nước;

- Đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực của

Ngành Xây dựng đáp ứng yêu cầu khi gia nhập WTO.

Trên cơ sở chương trình hành động này, các đơn vị trực thuộc Sở Xây dựng Vĩnh Phúc theo chức năng, nhiệm vụ quyền hạn được giao tiến hành cụ thể hóa thành nhiệm vụ trong kế hoạch công tác hàng năm. Xác định và triển khai ngay những nhiệm vụ cấp bách để kịp thời đáp ứng các yêu cầu khi Việt Nam đã gia nhập WTO. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại: www.vinhphuc.gov.vn)

Giới thiệu Văn bản số 124/SXD-THKT của Sở Xây dựng Vĩnh Long hướng dẫn việc điều chỉnh dự toán xây dựng công trình tỉnh Vĩnh Long

Ngày 25/02/2008, Sở Xây dựng Vĩnh Long đã ban hành Văn bản số 124/SXD-THKT hướng dẫn việc điều chỉnh dự toán xây dựng công trình tỉnh Vĩnh Long từ ngày 01/01/2008.

Điều chỉnh dự toán chi phí xây dựng:

Dự toán xây dựng công trình được lập theo các tập đơn giá xây dựng công trình theo các văn bản ban hành ngày 25/12/2007 của Sở Xây dựng: văn bản số 203/SXD "về việc công bố đơn giá xây dựng công trình - Phần lắp đặt hệ thống điện trong công trình; bảo ôn đường ống, phụ tùng và thiết bị; khai thác nước ngầm"; văn bản số 204/SXD "về việc công bố đơn giá xây dựng công trình - Phần xây dựng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long"; văn bản số 205/SXD "về việc công bố đơn giá xây dựng công trình - Phần khảo sát xây dựng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long", đã tính theo mức lương tối thiểu là 350.000 đồng/tháng với cấp bậc tiền lương theo thang lương thuộc bảng lương A.1.8 ban hành kèm theo Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ được điều chỉnh như sau:

- Điều chỉnh chi phí nhân công:

Chi phí nhân công trong tập đơn giá xây

dựng công trình tỉnh Vĩnh Long công bố theo các văn bản số 203/SXD, 204/SXD, 205/SXD được nhân với hệ số điều chỉnh là $K_{ĐCNC} = 1,543$

- Điều chỉnh chi phí máy thi công:

Chi phí máy thi công trong tập đơn giá xây dựng công trình tỉnh Vĩnh Long công bố theo các văn bản số 203/SXD, 204/SXD, 205/SXD được nhân với hệ số điều chỉnh là $K_{ĐCMTC} = 1,134$

- Các khoản mục chi phí tính bằng định mức tỷ lệ (%) trong dự toán chi phí xây dựng công trình bao gồm: chi phí trực tiếp khác, chi phí chung, thu nhập chịu thuế tính trước, thuế giá trị gia tăng, nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công theo quy định.

- Các khoản mục chi phí như Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, lập dự án và thiết kế công trình xây dựng được tính bằng tỷ lệ (%) theo quy định. Riêng đối với dự toán chi phí trước thuế cho công tác quy hoạch xây dựng đô thị xác định trên cơ sở Định mức chi phí quy hoạch xây dựng ban hành theo Quyết định số 06/2005/QĐ-BXD ngày 03/02/2005 của Bộ Xây

dựng được nhân với hệ số điều chỉnh $K_{ĐCQH XD} = 1,25$. Đối với dự toán chi phí thực hiện các dịch vụ công ích đô thị: chi phí sử dụng xe máy và thiết bị trong giá dự toán dịch vụ công ích đô thị được nhân với hệ số điều chỉnh $K_{ĐCMT C} = 1,134$.

Các hệ số điều chỉnh theo văn bản này được áp dụng cho các công trình sử dụng vốn Nhà nước. Khuyến khích các dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng các nguồn vốn khác áp dụng các hệ số điều chỉnh theo văn bản này.

Xử lý chuyển tiếp:

1. Đối với các công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình thực hiện theo các quy định tại Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 của Chính phủ về quản lý đầu tư xây dựng, Thông tư số 04/2005/TT-BXD ngày 01/4/2005 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn việc lập và quản lý chi phí xây dựng công trình thuộc các dự án đầu tư và các văn bản có liên quan của các Bộ ngành trung ương, của tỉnh Vĩnh Long thực hiện theo Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 của chính phủ về quản lý đầu tư xây dựng công trình:

- Các công trình mới, công trình đang tổ chức lập dự toán, tổng dự toán, công trình đã lập dự toán, tổng dự toán nhưng chưa được cấp thẩm quyền phê duyệt thì giá trị dự toán xây dựng các hạng mục công trình và các khoản mục chi phí khác trong tổng dự toán xây dựng công trình được điều chỉnh theo các nội dung hướng dẫn tại văn bản này.

- Các công trình đã có quyết định phê duyệt dự toán, tổng dự toán nhưng chưa hoặc đang tổ chức đấu thầu (hoặc chỉ định thầu) hoặc đã hoàn tất kết quả đấu thầu, chỉ định thầu nhưng chưa ký hợp đồng thì chủ đầu tư tổ chức lập và phê duyệt lại tổng dự toán, dự toán và giá gói thầu theo hướng dẫn tại văn bản này.

- Các công trình, hạng mục công trình đang thi công dở dang:

+ Công trình, hạng mục công trình thi công đảm bảo tiến độ theo hợp đồng, chủ đầu tư và

nhà thầu xây dựng xác định giá trị khối lượng xây dựng đã thực hiện đến hết ngày 31/12/2007. Đối với khối lượng còn lại thực hiện từ ngày 01/01/2008 được điều chỉnh dự toán xây dựng công trình theo hướng dẫn tại văn bản này.

+ Trường hợp khối lượng xây dựng thực hiện từ 01/01/2008 nhưng trong hợp đồng các bên đã thỏa thuận không điều chỉnh giá trong suốt thời gian thực hiện, chủ đầu tư và nhà thầu xây dựng có thể thương thảo bổ sung hợp đồng để đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

2. Đối với các công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình thực hiện theo Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/06/2007 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình:

- Các công trình mới, công trình đang tổ chức lập dự toán, công trình đã lập dự toán nhưng chưa được cấp thẩm quyền phê duyệt thì giá trị dự toán xây dựng công trình và các khoản mục chi phí khác trong dự toán xây dựng công trình được điều chỉnh theo các nội dung hướng dẫn tại văn bản này.

- Trường hợp công trình đã có quyết định phê duyệt dự toán, chủ đầu tư sử dụng chi phí dự phòng do yếu tố trượt giá để điều chỉnh cơ cấu chi phí trong dự toán xây dựng công trình.

- Các công trình, gói thầu đã ký kết hợp đồng kinh tế thì việc điều chỉnh dự toán xây dựng công trình thực hiện theo điểm 4, mục 1, Thông tư số 03/2008/TT-BXD.

3. Đối với các công trình xây dựng đã lập đơn giá xây dựng công trình riêng, chủ đầu tư căn cứ chế độ, chính sách được Nhà nước cho phép áp dụng ở công trình và nguyên tắc điều chỉnh dự toán chi phí xây dựng công trình theo Thông tư số 03/2008/TT-BXD của Bộ Xây dựng để xác định mức điều chỉnh chi phí nhân công, chi phí máy thi công và các khoản chi phí khác trong dự toán xây dựng công trình.

(Xem toàn văn tại: sxd.vinhlong.gov.vn)

Nghiệm thu dự thảo tiêu chuẩn “Âm học - Đo đạc cách âm trong công trình và của các cấu kiện xây dựng - Phần 3: Phương pháp đo cách âm không khí của các cấu kiện xây dựng trong phòng thí nghiệm”

Ngày 21/02/2008, tại Bộ Xây dựng, Hội đồng KHCN chuyên ngành Xây dựng đã tiến hành nghiệm thu dự thảo tiêu chuẩn “Âm học - Đo đạc cách âm trong công trình và của các cấu kiện xây dựng – Phần 3: Phương pháp đo cách âm không khí của các cấu kiện xây dựng trong phòng thí nghiệm” do Thạc sỹ Nguyễn Sơn Lâm thuộc Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng chủ trì.

Tại Việt Nam, các loại vật liệu, cấu kiện cách âm để chống ồn cho công trình (mặt tiền nhà) và từng bộ phận (tường ngăn phòng, cửa sổ, cửa đi...) của công trình được sử dụng ngày một nhiều. Ngày càng có nhiều vật liệu, cấu kiện được chế tạo trong nước và nhập khẩu từ nước ngoài để đáp ứng đòi hỏi ngày một cao về cách âm chống ồn cho công trình. Tuy nhiên, lĩnh vực âm học công trình mới chỉ có các tiêu chuẩn quy định mức ồn cho phép tối đa tại các khu vực dân cư, phương tiện giao thông, thiết kế chống ồn cho công trình, đánh giá cách âm trong công trình và kết cấu xây dựng mà chưa có tiêu chuẩn về phương pháp đo xác định hệ số cách âm của vật liệu và cấu kiện xây dựng trong phòng thí nghiệm. Trong khi đó hầu hết các nước tiên tiến (châu Âu, Mỹ) đều có tiêu chuẩn riêng về phương pháp đo xác định cách âm trong không khí. Các nước còn lại sử dụng tiêu chuẩn của tổ chức tiêu chuẩn hoá quốc tế ISO. Để giúp các nhà sản xuất vật liệu xây dựng trong nước nghiên cứu sản xuất các loại vật liệu cách âm, công tác kiểm định độ cách âm của các loại vật liệu nhập ngoại, các nhà thiết kế lựa chọn các loại vật liệu cách âm chống ồn cho từng công trình cụ thể thì việc nghiên cứu, xây dựng và ban hành tiêu chuẩn về phương pháp đo xác định hệ số cách âm của

vật liệu, cấu kiện xây dựng trong phòng thí nghiệm là rất cần thiết.

Tiêu chuẩn ISO 140 bao gồm 10 phần đồng bộ từ Part 1 đến Part 10 giới thiệu bao quát toàn bộ các yêu cầu chi tiết cụ thể trong lĩnh vực đo đạc cách âm công trình. Dựa vào đó, nhóm biên soạn đã nghiên cứu phần 3 của tiêu chuẩn ISO 140-3:1995(E), tham khảo thêm một số phần khác của bộ tiêu chuẩn ISO và các tiêu chuẩn có liên quan, chuyển dịch và bố cục lại cho phù hợp với quy định xây dựng tiêu chuẩn của Việt Nam. Nội dung của dự thảo gồm 9 phần, từ yêu cầu về thiết bị sử dụng, bố trí thí nghiệm tới quy trình thí nghiệm và đánh giá. Các thuật ngữ và định nghĩa trong dự thảo sử dụng các từ ngữ tương đương trong các tiêu chuẩn Việt Nam đã ban hành trong lĩnh vực âm học để tạo thuận lợi cho người sử dụng. Các phụ lục từ A đến G đưa ra các vấn đề liên quan như vật liệu ma tít sử dụng để gá lắp kính vào cửa lắp mẫu thí nghiệm, đo khả năng cách âm không khí của tường chèn phụ trợ (hoặc kết cấu sườn vách bất kỳ) cho lỗ cửa lắp mẫu cho cửa đi, cửa sổ, kính và cấu kiện mặt chính; chất lượng và vị trí của nguồn âm; đo truyền âm gián tiếp; đo xác định hệ số tổn thất toàn bộ; Hướng dẫn đo ở dải tần số thấp. Trong đó, 3 phụ lục đầu là quy định cần áp dụng, 4 phụ lục còn lại dùng để tham khảo.

Dự thảo này quy định phương pháp đo được áp dụng để xác định khả năng cách âm không khí của các cấu kiện xây dựng (như tường, sàn, kính, cửa đi và cửa sổ) trong phòng thí nghiệm ngoại trừ các cấu kiện xây dựng có kích thước nhỏ. Kết quả đo có thể sử dụng cho thiết kế các cấu kiện của công trình với các tính chất âm học thích hợp, so sánh tính chất cách âm của

các cấu kiện và để phân loại các cấu kiện theo khả năng của chúng. Các phép đo được thực hiện trong phòng thí nghiệm, trong đó lan truyền âm gián tiếp được khống chế. Do vậy, kết quả đo tuân theo tiêu chuẩn này sẽ không được áp dụng trực tiếp cho hiện trường khi chưa tính đến các yếu tố khác ảnh hưởng đến cách âm, đặc biệt là truyền âm gián tiếp và hệ số tổn thất.

Trong quá trình thực hiện, nhóm tác giả đã tham chiếu các tài liệu nước ngoài mà tiêu chuẩn ISO 140-3:1995(E) viện dẫn và thay thế một số tiêu chuẩn viện dẫn của nước ngoài

bằng các tiêu chuẩn viện dẫn hiện hành của Việt Nam. Đến khi được ban hành, tiêu chuẩn này sẽ góp phần đồng bộ hoá hệ thống tiêu chuẩn của Việt Nam, đủ điều kiện để hội nhập cùng hệ thống tiêu chuẩn quốc tế. Dự thảo tiêu chuẩn “Âm học - Đo đạc cách âm trong công trình và của các cấu kiện xây dựng – Phần 3: Phương pháp đo cách âm không khí của các cấu kiện xây dựng trong phòng thí nghiệm” đã được Hội đồng đánh giá cao và xếp loại xuất sắc.

Nguyễn Hồng Trang

Nghiệm thu “Hướng dẫn thiết kế, thi công lắp đặt, nghiệm thu và bảo trì cột mốc biên giới trên đất liền”

Nhiệm vụ phân giới cắm mốc biên giới trên đất liền giữa Việt Nam với các nước có chung đường biên giới đất liền là một nhiệm vụ chính trị quan trọng. Công tác thi công xây dựng cột mốc biên giới đã được triển khai trên đường biên giới đất liền Việt Nam – Trung Quốc trong những năm gần đây và bắt đầu được tiến hành trên đường biên giới Việt Nam – Campuchia, đối với đường biên giới trên đất liền Việt Nam – Lào cũng đang trong giai đoạn chuẩn bị. Tuy nhiên, việc thiết kế, thi công xây dựng cột mốc mới chỉ dựa trên các văn bản phê duyệt trực tiếp và các tài liệu hướng dẫn do Bộ Xây dựng biên soạn mà chưa có văn bản mang tính pháp quy. Để giúp cho công tác thiết kế thống nhất chung về hình dáng cột mốc, yêu cầu kỹ thuật và công tác thi công xây dựng cột mốc đáp ứng được yêu cầu về chất lượng, đồng thời giúp cho công tác quản lý chất lượng và kiểm tra cột mốc trên toàn tuyến biên giới Việt Nam được thống nhất thì cần phải có một văn bản hướng dẫn mang tính pháp quy.

Xuất phát từ thực tế trên, Bộ Xây dựng đã giao cho Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng biên soạn tài liệu “Hướng dẫn thiết kế, thi công lắp đặt, nghiệm thu và bảo trì cột mốc biên giới

trên đất liền” do Tiến sỹ Nguyễn Thanh Bình chủ trì thực hiện và đã được Hội đồng KHCN chuyên ngành Xây dựng tiến hành nghiệm thu ngày 22/02/2008.

Tài liệu Hướng dẫn gồm 8 phần chính và 2 phụ lục có tính chất tham khảo. Nội dung của tài liệu đi sâu vào việc hướng dẫn phân loại cột mốc; đưa ra các bước cần thực hiện khi thiết kế hạng mục công trình cột mốc; hướng dẫn thi công xây dựng cột mốc; kiểm tra nghiệm thu và hồ sơ chất lượng công trình và công tác bảo trì công trình cột mốc. Cụ thể, việc phân loại cột mốc dựa trên kích thước cột mốc phần nổi trên mặt bệ và dựa theo vật liệu chế tạo. Công tác thiết kế hạng mục xây dựng công trình cột mốc bao gồm các bước khảo sát địa chất vị trí thi công cắm mốc; thiết kế kiến trúc cảnh quan khu vực cột mốc; thiết kế bệ, nền móng, lắp đặt cột mốc và thiết kế chống sét cho cột mốc. Trong phần thi công xây dựng cột mốc, tài liệu hướng dẫn khá đầy đủ từ công tác chuẩn bị cho thi công xây dựng cột mốc và các bước của quá trình thi công xây dựng cột mốc với các loại cột mốc khác nhau. Công tác kiểm tra, nghiệm thu hướng dẫn các bước kiểm tra chất lượng và

nghiệm thu đối với thi công xây dựng cột mốc. Ngoài trình tự kiểm tra chất lượng và nghiệm thu được quy định hiện hành đối với công trình xây dựng, công trình thi công xây dựng cột mốc cũng có thêm các bước và yêu cầu riêng đối với công trình đặc thù. Nội dung của phần bảo trì công trình cột mốc quy định công tác bảo trì riêng đối với công trình cột mốc nhằm giúp cho công tác quản lý các cột mốc cửa khẩu quốc tế, cột mốc cửa khẩu quốc gia và cột mốc trên đường biên giới đất liền, đảm bảo tính năng sử dụng và chất lượng của công trình, có kế hoạch duy tu, sửa chữa công trình. Từ đó xây dựng kế hoạch và nguồn kinh phí phục vụ cho công tác bảo trì cột mốc và đảm bảo chất lượng các cột mốc trên các tuyến biên giới tồn tại lâu dài theo thời gian.

Hướng dẫn này quy định yêu cầu kỹ thuật đối với cột mốc, làm căn cứ để phục vụ công tác kiểm tra và nghiệm thu cột mốc sau khi sản xuất và trước khi đưa vào thi công cắm mốc. Đồng thời, đây cũng là tài liệu hướng dẫn mang tính định hướng chung cho công tác thiết kế, thi công và nghiệm thu xây dựng cột mốc trên

đường biên giới đất liền giữa Việt Nam với các quốc gia có chung đường biên giới do phía Việt Nam thiết kế – thi công. Các hạng mục liên quan đến công trình cột mốc như móng, bệ, ốp – lát, sân vườn, chiếu sáng... và các hạng mục khác ngoài quy định trong hướng dẫn này tuân theo những quy định trong các tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành. Hướng dẫn này không quy định việc sản xuất thân cột mốc và công tác phân giới. Phần trắc địa xác định cao trình, hướng mốc, tâm mốc... sẽ được áp dụng theo các quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Đối với cột mốc thi công trong vùng ngập lụt chỉ áp dụng phần yêu cầu kỹ thuật đối với thân cột mốc. Phần thiết kế, thi công và nghiệm thu cột mốc trong vùng ngập lụt sẽ được áp dụng theo tài liệu hướng dẫn riêng.

Với các kết quả mà nhóm biên soạn đạt được, tài liệu “Hướng dẫn thiết kế, thi công lắp đặt, nghiệm thu và bảo trì cột mốc biên giới trên đất liền” đã được Hội đồng nghiệm thu đánh giá cao và xếp loại xuất sắc.

Nguyễn Hồng Trang

Công nghệ Seraphin - hướng đi và triển vọng mới trong lĩnh vực xử lý chất thải rắn tại Việt Nam

Trong những năm gần đây vấn đề môi trường nói chung và chất thải rắn nói riêng đang được xã hội đặc biệt quan tâm. “Chất thải là nguồn tài nguyên có giá trị” không chỉ là tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng mà còn là những kết quả thực tiễn tại Việt Nam. Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Môi trường Đô thị Hà Nội là đơn vị đi đầu trong cả nước về chương trình phân loại rác tại nguồn và dự án 3R tại Hà Nội. Đây cũng là vấn đề khó khăn của nhiều nước đang phát triển, nhưng là xu hướng tất yếu trên thế giới mà Việt Nam đã sớm có nhận thức.

Việc nghiên cứu ứng dụng các công nghệ

mới giúp nâng cao hiệu quả xử lý và thu hồi từ chất thải, giảm thiểu chôn lấp là những kết quả thực tiễn tại Việt Nam đã chứng minh giá trị của nguồn tài nguyên này. Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Xanh Seraphin là đơn vị nghiên cứu ứng dụng công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt Seraphin, đến nay đã triển khai áp dụng tại 2 nhà máy (thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An và thành phố Sơn Tây, tỉnh Hà Tây). Nghiên cứu phát triển liên tục là ưu điểm lớn nhất của công nghệ Seraphin, từ những kết quả nghiên cứu thành công ban đầu trong việc tái chế chất thải nhựa, đến hoàn thiện một mô hình xử lý chất thải rắn sinh hoạt không chôn lấp.

Công nghệ Seraphin về cơ bản là sự kết hợp hiệu quả của các phương pháp xử lý cơ sinh học và nhiệt bao gồm các quá trình phân loại, tái chế nhựa, ủ compost, đốt và hóa rắn, v.v. Kỹ thuật hiệu quả và sản phẩm hữu ích phù hợp điều kiện Việt Nam là mục tiêu của công nghệ Seraphin. Giai đoạn 2006 – 2007, Công ty liên tục triển khai ứng dụng thành công nhiều hợp phần công nghệ và sản phẩm mới tại Nhà máy Xử lý Chất thải Sơn Tây, tỉnh Hà Tây:

1) Hầm chứa tập kết khép kín và nạp chất thải lên dây chuyền điều khiển từ ca-bin, giúp nâng cao mức độ tự động hóa và bảo vệ môi trường trong nhà máy xử lý chất thải. Hệ thống được thiết kế và xây dựng theo mô hình tham khảo của nước ngoài, cải tiến phù hợp với công đoạn tiếp rác để phân loại thủ công tại Việt Nam. Mô hình thiết kế này đã được trao tặng Cúp Môi trường tại Triển lãm Môi trường toàn quốc 2007.

2) Ủ compost thiết bị kín kiểu đứng là một trong những mô hình ủ compost hiện đại nhất trên thế giới hiện nay. Kết hợp các giải pháp cơ giới hóa mang tính công nghiệp, kiểm soát điều khiển tự động các điều kiện môi trường giúp tối ưu quá trình ủ compost, xử lý khí thải bằng biofilter đảm bảo tiêu chuẩn môi trường. Hệ thống ủ compost đặc biệt được thiết kế theo mô-đun thuận tiện cho việc chế tạo, vận chuyển lắp đặt và mở rộng công suất theo từng giai đoạn của dự án.

3) Lò quay đốt chất thải quy mô công nghiệp, năng suất 2 tấn/giờ. Đây là sự kết hợp của mô hình lò quay sử dụng trong công nghiệp với tiêu chuẩn thiết kế lò đốt chất thải nguy hại. Ưu điểm của hệ thống là nguyên lý hoạt động liên tục, cơ giới hóa các công đoạn giúp nâng cao năng suất và giảm lao động, tận dụng nhiệt để sấy và cấp lò giúp giảm tiêu hao nhiên liệu, v.v. Ngoài ra, hệ thống lò đốt còn đảm bảo các tiêu chuẩn thiết kế để đốt chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại.

4) Sản xuất nhiên liệu rắn từ chất thải (RDF) sử dụng thay thế nhiên liệu hóa thạch trong các

ngành công nghiệp (sản phẩm kết hợp nghiên cứu với Viện Nghiên cứu Thiết kế Chế tạo Máy Nông nghiệp). Việc sản xuất và sử dụng RDF đặc biệt có nhiều ý nghĩa trong cả các lĩnh vực tài nguyên, môi trường, năng lượng, v.v. Tuy nhiên đến nay RDF vẫn còn ít được biết đến tại Việt Nam. Sản phẩm RDF-Seraphin đã có các kết quả chứng nhận chất lượng phù hợp tiêu chuẩn và được trao tặng Huy chương vàng chất lượng sản phẩm tại Hội chợ Triển lãm Tuần lễ xanh Quốc tế - Việt Nam 2007.

5) Sản xuất gạch block không nung từ chất thải vô cơ và tro sau đốt bằng phương pháp hóa rắn. Đây là hợp phần công nghệ đóng vai trò quan trọng trong mô hình xử lý triệt để chất thải rắn không chôn lấp. Sản phẩm đã có các kết quả chứng nhận chất lượng phù hợp tiêu chuẩn và được trao tặng Huy chương vàng chất lượng sản phẩm tại Hội chợ Triển lãm Tuần lễ xanh Quốc tế - Việt Nam 2007.

6) Sản xuất phân bón hữu cơ khoáng dạng viên ép có tác dụng nhả chậm chất dinh dưỡng (kết hợp với Viện Nghiên cứu Thiết kế Chế tạo Máy Nông nghiệp). Phân bón hữu cơ khoáng ép viên là sản phẩm tiện dụng trong nông nghiệp, sản xuất phù hợp cho từng loại đất và cây trồng khác nhau.

7) Sản xuất quả bóng Bubbdeck bằng nhựa tái chế theo tiêu chuẩn của Đan Mạch. Đây là sản phẩm có giá trị ứng dụng mới trong thiết kế và thi công sàn bê tông nhà cao tầng, được sản xuất theo thiết kế của Bubbdeck - Việt Nam JSC.

Với những kết quả thực tiễn đó, tháng 12/2007 vừa qua công nghệ Seraphin đã được Hội đồng Khoa học Kỹ thuật của Bộ Xây dựng đánh giá cao và cấp chứng nhận công nghệ phù hợp điều kiện Việt Nam trong năm 2008 để cho phép nhân rộng trong cả nước. Nhà máy Xử lý Chất thải Sơn Tây được chọn làm mô hình mẫu cho các địa phương đến tham quan, khảo sát để xây dựng nhà máy xử lý chất thải áp dụng công nghệ đã được cấp chứng nhận. Các chương trình nghiên cứu phát triển công nghệ

của Công ty đề xuất đã được Bộ Khoa học và Công nghệ đề nghị xây dựng thành Đề án sản phẩm quốc gia theo tiêu chí xác định Danh mục sản phẩm quốc gia thực hiện trong giai đoạn

2008 – 2012. Đây cũng sẽ là hướng đi và triển vọng mới trong lĩnh vực xử lý chất thải rắn tại Việt Nam.



Hình ảnh công nghệ và sản phẩm tại Nhà máy Xử lý Chất thải Sơn Tây

- 1a: Hầm chứa tiếp nhận chất thải
- 1b: Cầu trục nạp chất thải lên dây chuyền
- 2a: Mô-đun ủ compost thiết bị kín kiểu đứng
- 2b: Trạm điện khiển hệ thống ủ compost
- 3a: Lò quay đốt chất thải, buồng đốt chính 900oC
- 3b: Lò quay đốt chất thải, buồng đốt thứ cấp 1200oC
- 4: Sản phẩm nhiên liệu rắn từ chất thải (RDF);
- 5: Sản phẩm gạch block không nung;
- 6: Sản phẩm phân bón hữu cơ khoáng viên ép;
- 7: Sản phẩm quả bóng Bubbdeck nhựa tái chế

Theo tài liệu của Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Xanh Seraphin

Một số dự án xây dựng công trình hạ tầng giao thông lớn trên thế giới

Các công trình kết cấu hạ tầng là cơ sở cho sự phát triển các mối quan hệ kinh tế và xã hội giữa các quốc gia trên thế giới nhờ sự lưu chuyển thuận tiện của con người, hàng hoá và vật liệu.

Hiện nay, một số công trình lớn nhất thế giới

đang trong giai đoạn ban đầu hoặc hoàn thành xây dựng. Những công trình này sau khi được đưa vào sử dụng sẽ tạo nên xung lực mới cho sự phát triển tiếp theo của nền kinh tế thế giới.

Một số công trình đặc biệt lớn và quan trọng đối với sự phát triển đã và đang trong giai đoạn

thi công. Ví dụ, Maroc dự định trong năm 2007 hoàn thành xây dựng cảng biển Tangier Mediterranean cách thành phố Tangier 35 km về phía Đông và sẽ trở thành cảng biển lớn nhất châu Phi. Cảng là nơi cập của các tàu lớn hoạt động trên con đường thủy thương mại Bắc Cực - Địa Trung Hải. Năng lực của cảng đạt 25 triệu tấn hàng hoá. Tổng giá trị xây dựng kể cả chi phí xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng là 990 triệu USD. Các đường ô tô và đường sắt sẽ được nối với cảng, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp địa phương xuất khẩu sản phẩm ra thị trường thế giới.

Việc xây dựng cảng do một liên doanh gồm các Công ty Saipem (Tây Ban Nha) và Bouygues (Pháp) thực hiện. Liên doanh đã ký hợp đồng thiết kế và xây dựng trị giá 280 triệu USD. Chủ đầu tư của dự án là Cơ quan Chính phủ Special Tangier Mediterranean Agency.

Tổng thời gian xây dựng được xác định là 36 tháng và trong thời gian này sẽ xây dựng 2 đê chắn sóng được lắp dựng từ 40 giếng chìm bê tông cốt thép được thả xuống nước đến chiều sâu 20 m và nạo vét 4,58 triệu m³ cát và sỏi ở đáy biển đồng thời xây dựng kè đá bảo vệ công trình.

Đê chắn sóng được xây dựng trên bờ biển dưới dạng kết cấu thông thường từ các khối bê tông được lắp ghép với nhau (Accropodes) hình thành đê chắn sóng nửa chìm. Tại khu vực nước sâu các khối bê tông trên được thay bằng các giếng chìm. Những công trình này cùng với các công trình ven bờ tạo thêm một không gian mặt nước rộng 18 ha dành cho tàu biển trong giới hạn cảng. Công trình do công ty Halcrow của Anh thiết kế.

Các giếng chìm chiều cao bằng toà nhà 10 tầng được chế tạo từng phần trên bờ với tiến độ 1 giếng/tuần. Giếng chìm sau khi đã được thi công đạt chiều cao 9 m và khối lượng 3.200 tấn được kéo vào vị trí để tiếp tục thi công đạt chiều cao 15 m với khối lượng 6.000 tấn, sau đó được tàu kéo đưa ra vị trí lắp đặt. Trong quá trình hạ giếng chìm xuống nước hệ thống định vị vệ tinh GPS đã được sử dụng để bảo đảm sự chính xác cao. Trên 13.500 m³ cát được sử

dụng để thi công balat. Trong giai đoạn kết thúc thi công đê chắn sóng bên trên các khối bê tông được thi công một lớp bê tông liền khối dày 6 m nâng tổng chiều cao công trình lên 35m. Tất cả các công việc trên được thực hiện vào thời gian sóng nhỏ.

Một cảng quan trọng khác ở thành phố Salan tại Vương quốc Oman đang được hiện đại hoá. Cảng nằm cách đường thủy quan trọng ở khu vực Tây Đông 150 km về phía Bắc và được xếp vào 20 cảng nước sâu lớn nhất thế giới. Việc mở rộng cảng bao gồm việc xây dựng hai cầu cảng mới với tổng giá trị 262 triệu USD.

Tháng 8/2003, một liên doanh bao gồm Công ty Middle Eastern Consolidated Contractors (Trung Đông) và Síp Hani Archirodon bắt đầu triển khai hợp đồng. Cầu cảng thứ nhất – cầu cảng số 5 đã được hoàn thành vào cuối năm 2006, cầu cảng thứ hai dự định sẽ được hoàn thành vào năm 2008. Hai cầu cảng đều vươn ra phía biển 1 km và tạo thành chiều rộng ven bờ bằng 345 m. Đáy biển khu vực này được nạo vét đạt chiều sâu từ 16 đến 18,5 m để đáp ứng được các yêu cầu mới của tiêu chuẩn S-Class tạo điều kiện cho tàu chở côngtenơ ra vào.

Các khối bê tông dạng Accropodes khối lượng 25 tấn được đặt trên lớp vải địa kỹ thuật phía trên có lớp đá đổ và trên bề mặt các khối bê tông là lớp phủ mặt ngoài liền khối giúp tạo nên các bức tường chắn của đê với tổng diện tích lên đến 345.000 m².

Đê chắn sóng cao 25m dài 2,8 km dự định sẽ được xây dựng. Chiều cao đê chắn sóng cao gần gấp 2 lần con sóng cao 12 m thường xuất hiện ở khu vực này trong thời gian có gió mùa từ tháng 6 đến tháng 8 hàng năm. Việc xây dựng đê chắn sóng cần 6,5 triệu tấn hoặc 10 triệu m³ đá núi. Ngoài ra khoảng 500 m³ đá nghiền được tiêu thụ mỗi ngày làm cốt liệu sản xuất bê tông.

Trên công trường hiện có 500 đơn vị thiết bị kỹ thuật xây dựng đang hoạt động, trong đó có 300 máy đào đất. Đội máy xây dựng còn có một vài máy thi công của Cty Volvo như 8 máy xúc EC460B với khối lượng khai thác bằng 46 tấn,

3 máy xúc bánh hơi L220E và 20 xe tự trút. Với tiến độ đào đất như hiện nay trong một giờ làm việc 8 máy xúc bảo đảm chất tải cho 9 xe tải tự trút (300 m³/giờ).

Trung Quốc đang xây dựng cầu Tô Thông rất độc đáo bắc qua sông Trường Giang tại tỉnh Giang Tô mà sau khi được đưa vào sử dụng vào năm 2008 sẽ trở thành cây cầu đầu tiên trên thế giới có nhịp dây văng dài trên 1000m. Nhịp dây văng dài 1088m sẽ trở thành kỷ lục thế giới. Trên cầu là đường ô tô 6 làn xe và là bộ phận của mạng lưới đường quốc gia nối Thượng Hải với Tô Châu. Nhịp thông tàu được thiết kế chiều cao 62m so với mặt nước do con sông này là một trong những đường thủy có mật độ tàu bè cao nhất trong nước.

Công ty Harbour Engineering Group (CHEC) của Trung Quốc được chọn làm nhà tổng thầu của công trình. Hai trụ chính hình chữ A bằng bê tông cốt thép cao 306m được thi công bằng ván khuôn Doka. Tổng thầu là một đơn vị có nhiều kinh nghiệm sử dụng ván khuôn tự nâng tự động hoá loại SKE trong thi công 2 trụ cầu cao tương ứng là 210 m và 162 m của các cây cầu khác, đáp ứng được các yêu cầu về chất lượng thi công, năng suất và an toàn đối với ván khuôn Doka.

Các trụ của cây cầu mới được đổ bê tông với tiến độ 2 đoạn cao 4,5 mét/tuần. Việc nâng ván khuôn SKE100 cho đoạn thi công tiếp theo được thực hiện bằng kích thủy lực có khả năng hoạt động an toàn trong điều kiện vận tốc gió đạt 700 km/h. Công trường được trang bị các máy bơm bê tông công suất lớn có khả năng bơm bê tông từ một nhà máy sản xuất vữa bê tông ở bên cạnh công trường đến tận các trụ cầu đang thi công. Cần cầu tháp cải tiến Potain MD 3600 có khả năng cẩu nâng đến chiều cao 306,4 m được sử dụng để đáp ứng các nhu cầu cẩu nâng khác nhau.

Dự án giao thông tại Hồng Kông xây dựng cầu vượt Lai Chi Kok tổng giá trị 141 triệu USD đang được thực hiện tại khu vực East Kowloon trong điều kiện xây dựng chật hẹp. Vấn đề cơ bản ở đây là cầu được thi công trong khi phía bên dưới vẫn diễn ra các hoạt động giao thông

nhộn nhịp với gần 300.000 ô tô qua lại mỗi ngày.

Trong thi công đã lắp dựng 1766 khối bê tông trọng lượng mỗi khối bằng 100 tấn với sự hỗ trợ của cần cẩu chân hạc sức nâng 900 tấn di chuyển trên đoạn đường dài 170 m.

Đồ án thi công cầu cạn do tư vấn Hyder Consulting của Anh đề xuất trong đó việc gắn kết các khối bê tông lớn được thực hiện bằng loại vữa kết dính đặc biệt và các khối bê tông được kéo căng trước.

Việc lắp ghép các khối bê tông với nhau được thực hiện trong 3 năm. Loại vữa kết dính được sử dụng là vữa Epoxy gồm 2 thành phần được trộn lẫn theo một tỷ lệ như nhau. Thời gian đông cứng của vữa kết dính rất ngắn nên sau khi trộn lẫn 2 thành phần với nhau vữa kết dính cần được sử dụng ngay trong khoảng 1,5 giờ. Công việc này được thực hiện thủ công.

Hàn Quốc đang xây dựng một cây cầu nổi đảo Inchon với đất liền. Nhà thầu Tuksu đảm trách công tác hạ cọc đã sử dụng thiết bị đóng cọc PTC 240HD. Cọc được hạ sâu 50 m với sự hỗ trợ của ống bao đường kính 2,4 m và 3m với chiều dày ống bao tương ứng bằng 19 và 22 mm. Thiết bị đóng cọc được trang bị thiết bị động lực PTC 1900 công suất 1343 kw cho phép đóng các ống bao đường kính đến 3,6 m đến chiều sâu 60 m.

Cầu Otay River Bridge trên đường ô tô cao tốc South Bay Expressway ở bang California (Mỹ) tổng giá trị 775 triệu USD đang trong giai đoạn xây dựng. Liên danh các nhà thầu gồm công ty Idaho Washington Group International và công ty Flour Daniel đã nhận được hợp đồng xây dựng cầu kiểu côngxon bằng kết cấu bê tông cốt thép.

Các kết cấu nhịp cầu được sử dụng là loại dầm hộp kép tổng chiều dài 1012m. Còn nhịp điển hình dài 90,5 m và được lắp ghép từ 28 cấu kiện lắp ghép.

Các kết cấu đỡ của cầu gồm có các tấm bản bê tông cốt thép liền khối và các trụ cầu cao đến 50m. Các cọc khoan nhồi đường kính 1,83m và 1,22m được sử dụng làm móng cho các tấm bản đỡ cầu.

Để nâng nhắc kết cấu, vật liệu và lưới cốt thép, nhà thầu Macro Cran & Rigging đã sử dụng 2 cần cẩu Link Belt 348 bánh xích với cần nhắc kiểu lưới.

Việc sử dụng hệ thống kích thủy lực để nâng các cấu kiện lắp ghép là một đặc điểm của việc thi công cầu. Hệ thống kích nâng thủy lực giúp kích nâng lắp ghép 644 cấu kiện với khối lượng mỗi cấu kiện 72 tấn, trong đó riêng cốt thép nặng 3 tấn, chiều cao của mỗi cấu kiện là 5m. Phương pháp lắp ghép với sự hỗ trợ của kích giúp giảm đến mức thấp nhất các tác động tiêu cực của công tác thi công lên môi trường xung quanh.

Sân bay quốc tế Hartsfield-Jackson Atlanta International Airport tại thành phố Atlanta (Mỹ) đang được cải tạo nhằm nâng năng lực vận chuyển của sân bay từ 85 triệu lượt hành khách/năm hiện nay lên 120 triệu lượt hành khách/năm. Việc cải tạo dự định thực hiện trong 10 năm cho đến năm 2010 với tổng giá trị của chương trình mở rộng sân bay là 5,4 tỷ USD.

Kế hoạch cải tạo bao gồm xây dựng đường băng cát - hạ cánh thứ 5 trị giá 1,2 tỷ USD đã hoàn thành vào năm 2006. Chiều dài đường băng này là 2,75 km, song song với nó đã xây dựng một đường chuyển hướng và sẽ xây dựng thêm các đường chuyển hướng đôi mới theo hướng Bắc - Nam.

Đường băng cát - hạ cánh cắt ngang 10 nhánh của đường ô tô lớn Interstate 285, trong đó 2/3 chiều dài của đường ô tô này đến từ phía Tây và 2/3 chiều dài đến từ phía Đông. Hai đoạn đường băng được nối với nhau bởi một

cây cầu cho phép các máy bay cất cánh và hạ cánh phía bên trên của đường quốc lộ 285. Kích thước của cây cầu là 365 x 148 m, trị giá 159,5 triệu USD.

Thầu phụ về công tác bê tông Pioneer Concrete Pumping sử dụng các xe bơm bê tông của Cty Putzmeister kiểu BSF 63Z và BSF 52Z với cần bơm tương ứng dài 63m và 52m.

Tại bang California (Mỹ) đang xây dựng con kênh mới dài 60 km và cải tạo một con kênh hiện có khác dài 198 km. Việc thực hiện dự án trên nhằm bảo tồn khu vực dự trữ nước cho cả vùng. Đối với kênh xây mới thì thành kênh được ốp bê tông còn thành đất của kênh cũ được thay bằng bê tông nhằm chống thấm nước vào đất và giảm thất thoát nước.

Ngoài xây mới một kênh và ốp bê tông thành kênh hiện có tại đây sẽ xây dựng thêm 26 kênh dẫn nước có tiết diện hình hộp và 06 trạm kiểm soát nước.

Việc xây dựng kênh mới bao gồm đào đất, ốp thành kênh, xây dựng các ống xiphông và các công trình dẫn nước vào, lấy nước ra. Kênh có thành nghiêng, chiều rộng đáy kênh là 4,9 m và chiều rộng mặt kênh 18,3 m. Khối lượng công tác đất bằng 4,28 triệu m³ và 356.000 m³ mái nghiêng được đầm chặt. Đáy và thành kênh được đổ lớp bê tông dày 75mm bằng máy đổ bê tông. Công việc này tiêu thụ 84.000 m³ bê tông.

Huỳnh Phước

*Theo "Thông tin KHKT nước ngoài" (Nga)
số 4/2007*

Hội nghị cấp cao kết nối kinh doanh bất động sản Việt Nam 2008

Ngày 27/2, với sự hỗ trợ của Bộ Xây dựng và Bộ Thông tin và Truyền thông, Công ty Cisco Systems Việt Nam và các đối tác đã tổ chức Hội nghị cấp cao Kết nối kinh doanh Bất động sản Việt Nam 2008 tại Hà Nội với nội dung trọng tâm là nêu bật vai trò của công nghệ

thông tin - truyền thông (CNTT-TT) trong ngành công nghiệp xây dựng và bất động sản.

Tại Hội nghị này, các chuyên gia về công nghệ thông tin đã trình diễn những ứng dụng của CNTT-TT giúp ngành xây dựng và bất động sản giải quyết được một thách thức rất

thực tế hiện nay - đó là đáp ứng nhu cầu nhà ở, nơi làm việc, sản xuất, sinh hoạt cộng đồng một cách an toàn và hiệu quả cho dân số đô thị ngày càng tăng. Đây cũng là một thách thức mà các nhà hoạch định đô thị tại Việt Nam đang phải đối mặt. Thực tế này cần phải được giải quyết với những công trình mới tiên tiến hơn, mang lại một nền tảng linh hoạt để đáp ứng nhu cầu phát triển. Ngoài nhu cầu phát triển mới, các cơ sở hạ tầng nhà ở hiện tại phải được trang bị phương tiện kết nối mới giúp cải thiện quá trình sử dụng cũng như quản lý vận hành.

Trên thực tế, trong quá trình đầu tư, xây dựng các tòa nhà cho chính mình trên khắp thế giới, Cisco đã đưa rất nhiều giải pháp, công nghệ vào các tòa nhà này để phục vụ cho các nhân viên với nhiều nhu cầu khác nhau.

Ông Nguyễn Thanh Sơn, giám đốc công nghệ - kỹ thuật của Cisco chia sẻ: “Có rất nhiều hệ thống hiện đang được vận hành trong các tòa nhà như: bảo mật, phòng cháy chữa cháy, chiếu sáng, nước, nhiệt độ, năng lượng, thang máy... Thông thường, các hệ thống này trong các tòa nhà tại Việt Nam đang được vận hành riêng lẻ. Nhân viên quản lý tòa nhà thường phải đứng trước rất nhiều màn hình hệ thống để theo dõi, quản lý...”.

Không chỉ hạn chế trong quản lý, việc các hệ thống này không kết nối được với nhau cũng tạo ra những bất tiện trong sử dụng và hưởng thụ tiện nghi. “Một tòa nhà thông minh là tòa nhà mà người dùng luôn cảm thấy sự phục vụ tốt nhất dù ở bất cứ đâu trong tòa nhà”, ông Sơn nói. “Bài toán đặt ra là phải làm sao để hội tụ được tất cả các hệ thống như vậy trong tòa nhà với nhau. Công nghệ sẽ tạo nên sự khác biệt, giảm chi phí quản lý và đầu tư...”.

Quan điểm Cisco đưa ra là cần phải tạo một nền tảng chung trước, tiếp đến xây dựng các hệ thống và tạo ra các dịch vụ trên nền hệ thống đó. Cisco mong muốn Internet sẽ trở thành một dịch vụ cơ sở hạ tầng nhất thiết cần đưa vào tòa

nhà ngay từ ban đầu như điện, nước, gas... Và Cisco sẽ giữ vai trò là đơn vị kết nối các hệ thống, dịch vụ cần thiết trong tòa nhà lại với nhau, tạo nên các giá trị khác biệt cho người sử dụng. Muốn làm được điều đó, thì ngay từ bây giờ, vấn đề kết nối đã phải được đặt ra đối với mỗi chủ đầu tư, kiến trúc sư, ngay khi dự án còn trong ý tưởng.

Vì vậy, ngành kinh doanh bất động sản đang trải qua giai đoạn chuyển đổi về chất với một tầm nhìn mới: các hệ thống nhà ở, toà nhà, công trình được kiểm soát, quản lý và kết nối Internet theo một phương thức trên cả việc đơn giản là “bật” các dịch vụ trên giao thức Internet (Internet Protocol – IP). Thay vào đó, những tòa nhà trong tương lai sẽ được liên kết với các công nghệ Internet ngay từ giai đoạn đầu, làm chuyển đổi từ quá trình thiết kế, thi công, vận hành và trong cả quá trình sử dụng. Internet đang trở thành một bộ phận trong “DNA” của các công trình xây dựng của tương lai, mang lại những môi trường nhạy bén và đột phá cho tất cả các bên liên quan.

Connected Real Estate (Bất động sản được kết nối) là một mô hình mà rất nhiều nhà xây dựng, các nhà phát triển bất động sản cũng như các cơ quan chính quyền đang lựa chọn. Đó là một hướng tiếp cận mới trong chu trình xây dựng, từ giai đoạn ý tưởng, thiết kế và xây dựng tới các giai đoạn bảo trì và vận hành. Mạng IP hội tụ là trái tim của chiến lược mới này và được tích hợp như là một thành tố cơ bản trong giai đoạn đầu của chu trình hoạch định.

Ông Ng Khee Seong, Giám đốc phát triển kinh doanh của Panduit tại châu Á- Thái Bình Dương, cho biết: “Connected Buildings (các tòa nhà được kết nối) là một trọng tâm chủ yếu của Panduit. Với sự phát triển mạnh mẽ của thị trường bất động sản, chúng tôi đã nhận thấy một tiềm năng to lớn cho các giải pháp Connected Building tại Việt Nam.”

Minh Tâm

Ảnh hưởng của qui hoạch phát triển Hà Nội đến kiến trúc các làng ven đô Hà Nội

1. Làng ven đô

Tại các thành phố nói chung, Hà Nội nói riêng, vốn xưa nay được hình thành khá rõ nét giữa nội và ngoại thành. Nội thành là trung tâm chính trị, hành chính với các đơn vị hành chính là quận và phường. Còn ngoại thành là vùng nông thôn, làng quê với đơn vị hành chính là huyện và xã.

Làng quê Việt Nam là hình ảnh điển hình của một quần cư nông nghiệp lâu đời, nhưng chủ yếu mang tính tiểu nông. Theo GS Nguyễn Văn Huyền trong tác phẩm Văn minh Việt Nam (La Civilisation Annamite, 1944), "Làng có thể định nghĩa là một tập hợp nhiều gia đình thành một nhóm dân cư hay tách thành nhiều nhóm. Làng không phải chỉ gồm những người cư trú tại đấy, mà cả mọi người gốc tích ở làng và có thể chỉ về làng một hai lần trong đời. Nhưng những người này có mô mả tổ tiên, nhà thờ do một người trong họ trông nom".

Tùy theo điều kiện tự nhiên, làng có thể phân bố dưới nhiều dạng thức khác nhau, thường bám theo bờ sông, nơi đất cao giữa đồng chiêm trũng, ven đồi hoạt nút giao thông, nhưng chiếm vai trò chủ đạo vẫn là gần kênh và sông.

Mặt khác "làng có thể coi như một nhà nước thu nhỏ" (cũng vẫn là lời của tác giả trên) với những vai trò tự quản đến mức "phép vua thua lệ làng", đồng thời cũng nhằm bảo vệ cộng đồng chống nạn cướp bóc và giặc giã, nên xung quanh bởi lũy tre làng hoặc những vành đai cây cối để che khuất.

Dù to hay nhỏ, giàu hay nghèo, mỗi làng đều có một hệ thống không gian kiến trúc truyền thống là: Công trình thiết yếu, công trình tín ngưỡng và công quyền. Các công trình sinh

hoạt thiết yếu gồm: đường đi, cổng làng, giếng làng, quán xá v.v...

Công trình tín ngưỡng: Chùa, đình, đền, miếu... Công trình công quyền: đình. Đình làng thường đặt ở trung tâm làng. Khi có việc khẩn cấp, trai tráng và dân làng có thể tập hợp nhanh chóng. Giếng làng cũng thường đặt ở gần đình. Những công trình kiến trúc này chính là không gian công cộng của làng. Hàng năm có các hoạt động lễ hội diễn ra tại đây. Các hoạt động lễ hội thu hút hầu hết dân làng và dân quanh vùng. Không gian công cộng cổ truyền này là nét đặc trưng lớn nhất của cấu trúc một làng. Bên cạnh đó là những nếp nhà xinh xắn nép mình dưới bóng cây xanh. Cũng theo những dòng mô tả sinh động của Nguyễn Văn Huyền, thì "từ xa trông nó như một cụm cây xanh, trong đó mọc lên hỗn độn những cây tre với hình dáng uy nghi, cây xoài lá thắm màu, cây bông gạo, cây mít, cây cọ... Màu xanh thắm của lùm cây nhiều vẻ này nổi bật ở chân trời trên nền màu xanh nhạt hơn của ruộng lúa...". Như vậy, làng quê luôn luôn hoà đồng vào thiên nhiên môi trường xung quanh như một tổng thể hài hoà.

Làng ven đô là những làng nằm cạnh đô thị. Chịu ảnh hưởng trực tiếp của việc đô thị hoá. Tại các làng ven đô thường có các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp như: Làm giấy, dệt vải, dệt lụa, làm đồ gốm v.v... Tuy nhiên kiến trúc của các làng ven đô vẫn mang đậm kiến trúc truyền thống của một làng quê Việt Nam.

2. Quy hoạch xây dựng đô thị

Quy hoạch xây dựng đô thị là một bộ môn khoa học kỹ thuật, xã hội, nhân văn, là nghệ thuật tổ chức không gian sống cho các đô thị và các khu vực đô thị. Nó là nghệ thuật sắp xếp

các không gian chức năng, khống chế các hình thái kiến trúc trong đô thị trên cơ sở các điều tra, dự báo, tính toán sự phát triển, đặc điểm dân cư, nhu cầu và nguồn lực đô thị, nhằm cụ thể hoá các chính sách phát triển, giảm thiểu các tác động có hại phát sinh trong quá trình đô thị hoá. Tận dụng tối đa mọi nguồn lực và hướng tới phát triển bền vững. Những hoạt động cụ thể liên quan đến ngành quy hoạch đô thị là: tự phát triển bất động sản, văn hoá lối sống cộng đồng, chính sách quản lý bất động sản và nhà ở, chiến lược phát triển kinh tế xã hội cho mỗi vùng, mỗi khu vực, đầu tư hạ tầng kỹ thuật, phát triển bảo tồn các di sản kiến trúc và thiên nhiên, phát triển bền vững của nhân loại.

3. Các làng ven đô dưới ảnh hưởng của quy hoạch phát triển Hà Nội

Trước đây không lâu, làng quê ven đô chủ yếu vẫn là trồng lúa, bên cạnh đó còn sản xuất rau mầu, hoa quả để cung cấp cho nội thành. Ngay cả những làng nghề khi chưa phát triển tập trung thành phường phố như ở những phố cổ thì hình ảnh làng quê cũng không khác là bao so với làng quê ở các tỉnh lẻ. Đọc lại truyện "Ngoại ô" của Tô Hoài vẫn còn thấm đẫm hình ảnh làng Nghĩa Đô truyền thống. Và ngày nay tại Nghĩa Đô - Làng ngoại thành sau 10 năm đã đô thị hoá hoàn toàn, chỉ còn lại dấu tích của những đình chùa xưa.

Không chỉ riêng gì Nghĩa Đô mà hầu như các làng quê trước là ven đô nay đang biến mất với tốc độ chóng mặt. Trước đây hai thập niên, Ngọc Hà vẫn là một làng hoa nổi tiếng. Thậm chí có cả những đồ án kiến trúc xây dựng Ngọc Hà thành một mô hình trồng hoa giữa phố đã từng được giải thưởng quốc tế. Vậy mà bây giờ Ngọc Hà không còn dấu vết của làng hoa nữa. Đến lượt Nhật Tân ven Hồ Tây nổi tiếng cả nước với nghề trồng đào, nhiều nhà kiến trúc, nhà văn, nhà báo rất mong muốn giữ lại một cảnh sắc đẹp nơi đây. Nhưng thực tế không

cưỡng lại được, diện tích trồng đào đang ngày càng bị thu hẹp và nguy cơ bị mất hẳn chắc chắn sẽ xảy ra chẳng bao lâu nữa, còn nghề trồng đào lại bị "bật bãi" lùi sang bên Gia Lâm, Đông Anh.

Cách đây cũng không lâu, ngành chăn nuôi Hà Nội dự định xây một trang trại nuôi lợn đại quy mô tại Kiều Kị. Nhưng dự án này đã bị các nhà khoa học phản ứng gay gắt, vì từ Kiều Kị đến trung tâm thủ đô chẳng bao xa, thậm chí rồi đây sẽ nằm ở vị trí ngay giữa Hà Nội mới mở rộng. Chắc chắn sẽ gây ô nhiễm trầm trọng. Rõ ràng công tác quy hoạch không theo kịp đà phát triển của đô thị!

Nhiều làng quê ngoại thành vẫn mang tên làng, tên xóm như thôn Cổ Nhuế chẳng hạn. Nhưng nơi đây đã và đang mọc lên trường đại học, trung tâm triển lãm, các nhà cao tầng, còn đâu là hình ảnh một miền quê lúa nữa. Đó chính là hình ảnh đổi thay đang diễn ra hàng ngày ở làng ven đô. Và như vậy, kiến trúc truyền thống của làng sẽ nguy cơ mất đi.

Theo quy luật phát triển các đô thị trên thế giới, ban đầu khi một thành phố mọc lên chiếm một khoảng cách nhất định với thành phố bên cạnh. Giữa hai thành phố đó tất nhiên sẽ hình thành một tuyến giao thông. Sau đó do nhu cầu phát triển, mỗi thành phố đều lớn dần lên, phình ra, đến một lúc nào đó không còn ranh giới giữa hai thành phố nữa. Sài Gòn và Gia Định đã nhập làm một như vậy. Hà Nội và Hà Đông tuy là hai thành phố riêng biệt, thuộc tỉnh thành khác nhau, nhưng khoảng cách chỉ hơn 10 km, trước đây còn có những khoảng trống, những cánh đồng hai bên đường, ngày nay chỉ còn là những dãy phố dài nối liền nhau.

Năm 1998 Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Quy hoạch chung của Hà Nội cho đến năm 2020 (thường được gọi là Quy hoạch 108). Đến nay, theo chỉ thị của Chính phủ, Quy hoạch này cần được điều chỉnh có tầm nhìn xa hơn về thời gian và mở rộng hơn về không gian.

Quy hoạch này sẽ không đơn thuần là Quy hoạch Thủ đô nói riêng nữa mà là Quy hoạch Vùng Thủ đô.

Quy hoạch Vùng được nhìn tới năm 2030 và hướng tới năm 2050. Hà Nội sẽ là cốt lõi đóng vai trò Đô thị trung tâm, bao quanh nó là các đô thị đối trọng và vệ tinh. Dự án có tầm to lớn này đang được triển khai do Viện Quy hoạch Đô thị và Nông thôn soạn thảo với sự cộng tác của các chuyên gia Nhật Bản. Theo phác thảo của Quy hoạch Vùng Thủ đô, các đô thị đối trọng và vệ tinh sẽ được xác định trong phạm vi từ 30 đến 50 km. Giữa "đô thị hạt nhân" (tức Thủ đô) và các đô thị xung quanh sẽ hình thành những "khoảng đệm" là vùng sinh thái, tạo nên một vành đai xanh quanh "Đô thị trung tâm". Vành đai xanh này được đề xuất trồng rau, hoa, cây cảnh, phát triển vùng sinh thái, vùng canh tác nông nghiệp hoặc một số làng xóm, nhà vườn (mật độ xây dựng thấp) gắn kết với hệ thống du lịch lịch sử, văn hoá, thắng cảnh... Từ vành đai xanh sẽ có các nêm cây xanh toả sâu vào Thành phố trung tâm...

Như vậy, với quy hoạch được điều chỉnh này đã mang ý tưởng hình thành những làng "ngoại ô" hoàn toàn mới khác xa với các làng ngoại ô "cổ truyền", nhưng vẫn không phải là phố xá. Tất nhiên, từ ý tưởng đến quy hoạch chung, rồi quy hoạch chi tiết sẽ được cụ thể hoá tiếp sau.

Song những ý tưởng ấy có trở thành hiện thực hay không, cần có sự nghiên cứu quy luật phát triển trong quá trình làng quê chuyển sang phố hoá một cách thấu đáo và toàn diện về mặt quy hoạch, kiến trúc cũng như về kinh tế và xã hội học.

Nếu như trước đây, nhà cửa, làng xóm thường bám dọc theo sông ngòi, kênh mương là chủ yếu, thì nay hầu như từ thành thị đến nông thôn, nhà cửa đều cố bám theo mặt đường. Bởi vì ngày nay đất đai trở nên chật hẹp, lao động nông nghiệp không đủ nuôi sống người nông dân. Rất nhiều thanh niên nông thôn phải bỏ

ruộng đồng ra thành phố kiếm sống. Trong khi đó, thành phố phát triển, mỗi tấc đất là một tấc vàng, người ta chỉ cần bán một phần đất là có thể xây dựng được nhà cửa cao trên mặt bằng hẹp theo kiểu nhà ống bên mặt đường với hy vọng sẽ kiếm sống bằng kinh doanh. Đây chính là "quy luật" không thể duy ý chí để giữ lại vùng trũng đào Nhật Tân.

Đó là chưa tính đến trường hợp nếu những quy hoạch này rơi vào tình trạng "quy hoạch treo" cũng sẽ gây ra những rắc rối không lường về sau. Chẳng hạn, trong khi chờ đợi hàng mấy chục năm như vậy, người dân vẫn tiếp tục tự do xây dựng nhà cửa, để rồi sau đó lại phải giải toả, đền bù rất phức tạp.

Việc phát triển thành phố Hà Nội là điều tất yếu, và ảnh hưởng của quy hoạch thành phố tới cấu trúc và không gian kiến trúc của các làng ven đô là hết sức sâu sắc. Tác giả bài viết này chưa thể hình dung ra được bức tranh rõ nét về những làng quê ven đô sẽ như thế nào. Nhưng chắc chắn không đơn giản. Bởi vậy, bên cạnh những dự án ở tầm vĩ mô, nên tiến hành khảo sát và đưa ra những tiên lượng và giải pháp cho quá trình phố hoá của làng quê Việt Nam nói chung và vùng làng quê sẽ được coi là "khoảng đệm sinh thái" sau này. Để sao cho mọi cửa ngõ tiến vào trung tâm đều đẹp đẽ, hấp dẫn, chứ không lam nham như hiện nay. Người dân "ngoại ô" có đất, có nghề, có thu nhập, yên tâm đầu tư theo định hướng quy hoạch chung, tiếp thu và nâng cao nét đẹp truyền thống của làng quê Việt Nam. Và để cho người sống ở trung tâm đô thị khi ra "ngoại ô" lại tìm được hình ảnh thân thương của một miền quê đổi mới và tìm được miền yên tĩnh, giải thoát những stress của công việc căng thẳng trong cuộc sống hiện đại. Góp phần giữ gìn bản sắc riêng trong kiến trúc.

Nguồn: **ThS. KTS. Vũ Hoàng Lưu**
Tuyển tập Nghiên cứu khoa học 2007 -
Viện Nghiên cứu Kiến trúc Quốc gia

Hội nghị chuyên đề về công tác thanh tra chuyên ngành xây dựng



Ngày 28/2/2008, tại Bộ Xây dựng đã diễn ra Hội nghị chuyên đề về công tác thanh tra chuyên ngành xây dựng. Các đại biểu tham dự Hội nghị bao gồm lãnh đạo thanh tra các Bộ, ngành, Tổng cục cảnh sát, Thanh tra Chính phủ, lãnh đạo các Cục, Vụ, Viện thuộc Bộ Xây dựng, các Sở Xây dựng, các Tổng Công ty trực thuộc Bộ Xây dựng, lãnh đạo Thanh tra xây dựng của các tỉnh và thành phố trên toàn quốc. Đồng chí Đinh Tiến Dũng - Thứ trưởng Bộ Xây dựng đã đến dự và phát biểu chỉ đạo Hội nghị.

Hội nghị đã nghe ông Phạm Gia Yên - Chánh Thanh tra Bộ Xây dựng trình bày báo cáo tổng kết công tác thanh tra chuyên ngành xây dựng năm 2007, nhiệm vụ trọng tâm và các giải pháp thực hiện năm 2008 và những năm tiếp theo.

Trong những năm vừa qua, nhất là năm 2007, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục giữ vững tốc độ tăng trưởng cao, từng bước hội nhập ngày càng sâu rộng hơn vào nền kinh tế toàn cầu. Cùng với sự tăng trưởng kinh tế hết sức ấn tượng, quá trình đô thị hóa ở nước ta cũng diễn ra nhanh chóng. Tốc độ gia tăng đầu tư xây dựng và đô thị hóa đã cho thấy những yếu kém về chuyên môn, trình độ quản lý và phát sinh những tiêu cực gây lãng phí, thất thoát lớn tài

sản của Nhà nước và của nhân dân; công tác quản lý đô thị còn nhiều bất cập, tình trạng vi phạm trật tự xây dựng đô thị diễn ra phức tạp.

Từ thực tiễn của yêu cầu phát triển như vậy, vấn đề được đặt ra là phải nâng cao hiệu quả, hiệu lực của công tác quản lý nhà nước. Bộ Xây dựng đã tham mưu cho Chính phủ ban hành nhiều văn bản về công tác thanh tra, kiểm tra, hướng dẫn thanh tra, kiểm tra.

Sau khi Nghị định số 46/2005/NĐ-CP của Chính phủ được ban hành ngày 06/4/2005 về tổ chức và hoạt động của Thanh tra xây dựng, Bộ Xây dựng và Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư liên tịch số 10/2005/TTLT-BXD-BNV ngày 22/6/2005 hướng dẫn về nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và biên chế của Thanh tra xây dựng ở địa phương, Quyết định số 25/QĐ-BXD ngày 08/8/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra Bộ Xây dựng - là những cơ sở pháp lý quan trọng để kiện toàn tổ chức, bộ máy lực lượng thanh tra xây dựng từ Bộ đến các địa phương. Hiện nay đã có 56/64 tỉnh, thành phố trong cả nước thành lập được lực lượng thanh tra xây dựng, tổng số cán bộ thanh tra của các Sở Xây dựng là trên 3.000 người. Tuy nhiên, một số địa phương lực lượng thanh tra còn mỏng như Hà Nam, Khánh Hòa, Quảng Nam, Ninh Bình, Cao Bằng, Lạng Sơn, Thái Nguyên chỉ có từ 2-3 người.

Để tăng cường công tác quản lý trật tự xây dựng tại hai thành phố lớn là Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 89/2007/QĐ-TTg ngày 18/6/2007 thí điểm thành lập thanh tra xây dựng quận, huyện và thanh tra xây dựng xã, phường, thị trấn tại 2 thành phố này. Tuy Quyết định số 89 đã có hiệu lực được gần 8 tháng

nhưng việc triển khai thực hiện còn chậm và chưa kịp thời. Chính vì vậy, tình trạng vi phạm trật tự xây dựng đô thị vẫn diễn ra bức xúc tại 2 thành phố này.

Trong công tác thanh tra chuyên ngành xây dựng, tình hình khiếu nại, tố cáo vẫn diễn ra phức tạp, số lượng đơn thư và số lượt người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị năm sau nhiều hơn năm trước. Nội dung khiếu nại, tố cáo chủ yếu liên quan đến vấn đề nhà đất, giải phóng mặt bằng... Thanh tra các Sở Xây dựng trên toàn quốc đã tiếp nhận tổng số 2.682 vụ việc mới và 298 vụ việc chuyển từ năm 2006 sang, trong đó có 2.650 vụ thuộc thẩm quyền, đã giải quyết được 2.384 vụ việc, đạt 90%. Thanh tra Bộ tiếp nhận 1.940 lượt đơn thư, trong đó có 280 đơn thư khiếu nại, kiến nghị mới còn lại là các trường hợp đơn thư trùng lặp, đã tham mưu cho lãnh đạo Bộ và trực tiếp ban hành 477 văn bản hướng dẫn, giải quyết. Thanh tra Bộ còn thành lập các đoàn công tác, phối hợp với các Sở Xây dựng kiểm tra và xác minh thực tế một số vụ việc khiếu nại phức tạp, đồng người để làm rõ tính chất đúng, sai của vụ việc, trình lãnh đạo Bộ ban hành quyết định giải quyết.

Trong công tác quản lý trật tự xây dựng đô thị, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 126/2004/NĐ-CP ngày 26/5/2004 về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng, quản lý công trình hạ tầng đô thị và quản lý sử dụng nhà nhưng trong quá trình thực hiện còn nhiều bất cập như mức xử phạt thấp, không đủ sức răn đe, nhiều hành vi vi phạm chưa được quy định; thẩm quyền, trách nhiệm xử lý vi phạm chưa rõ... Để giải quyết những vấn đề này, Bộ Xây dựng đã trình Chính phủ ban hành Nghị định 187/2007/NĐ-CP ngày 07/12/2007 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xây dựng về xử lý vi phạm trật tự xây dựng đô thị.

Năm 2007, đã phát hiện và xử phạt 13.512 vụ vi phạm trật tự xây dựng đô thị, trong đó số vụ xây dựng không phép, sai phép là 2.700 vụ,



phạt tiền 9.393.769.000 đồng, trong đó có 2.643 vụ cưỡng chế.

Công tác thanh tra chuyên ngành cũng đã được các Thanh tra các Sở Xây dựng bắt đầu tập trung thực hiện và thu được những kết quả nhất định, phát hiện nhiều sai phạm lớn.

Phát biểu tại Hội nghị, Thứ trưởng Đinh Tiến Dũng đã đánh giá cao những nỗ lực của các lãnh đạo, chuyên viên thanh tra xây dựng các cấp trong năm 2007 đã có nhiều tiến bộ trong phối hợp công tác, đồng thời cũng chỉ ra những thiếu sót, yếu kém trong việc phát triển lực lượng thanh tra, năng lực và trình độ chuyên môn của cán bộ thanh tra cấp cơ sở, vẫn còn có những trường hợp vi phạm đạo đức nghề nghiệp của cán bộ thanh tra trong quá trình thực thi công vụ. Thứ trưởng chỉ đạo Hội nghị tập trung bàn về những vướng mắc trong quá trình vận dụng pháp luật ở các đơn vị, địa phương, các bất cập về kinh phí, biên chế, công tác đào tạo bồi dưỡng chuyên môn và nâng cao đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ thanh tra, tham mưu cho Bộ những sửa đổi cơ chế chính sách về công tác thanh tra, kiểm tra...

Cũng tại Hội nghị này, Thứ trưởng Đinh Tiến Dũng đã thừa ủy quyền của Bộ trưởng và Thủ tướng Chính phủ trao tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho ông Phạm Gia Yên - Chánh Thanh tra Bộ Xây dựng và ông Phan Văn Vịnh - Phó phòng tổng hợp Thanh tra Bộ Xây dựng.

Minh Tuấn

Hội thảo Kinh nghiệm của Hàn Quốc về mô hình phát triển và quản lý nhà ở xã hội



Sáng ngày 29/2/2008 tại Bộ Xây dựng đã diễn ra Hội thảo Kinh nghiệm của Hàn Quốc về mô hình phát triển và quản lý nhà ở xã hội do Bộ Xây dựng, Đại Sứ quán Hàn Quốc, Bộ Xây dựng và Giao thông Hàn Quốc và Tổng Công ty phát triển nhà Hàn Quốc phối hợp tổ chức. Tham dự Hội thảo về phía Hàn Quốc có đại diện của Đại Sứ quán Hàn Quốc, Cục trưởng Cục phát triển nhà ở - Bộ Xây dựng và Giao thông Hàn Quốc, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phát triển nhà Hàn Quốc và các thành viên khác trong đoàn, về phía Việt Nam có đại diện các sở ban ngành và các tỉnh phía bắc, các cơ quan nghiên cứu, trường đào tạo có liên quan đến lĩnh vực nhà ở và thị trường bất động sản, Cục quản lý nhà ở Bộ Xây dựng. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam đã đến dự và chủ trì Hội thảo.

Tại Hội thảo, các đại biểu đến từ Hàn Quốc đã trình bày các tham luận về Chính sách nhà ở xã hội, các dự án mẫu xây dựng nhà ở xã hội và việc quản lý nhà ở xã hội ở Hàn Quốc.

Hàn Quốc có tổng diện tích 99.585 km², trong đó đất nông nghiệp và đất rừng chiếm 86,8%, chỉ có 5,8% đất đô thị, bao gồm đất xây dựng nhà ở, công trình công nghiệp và công trình công cộng. 43% dân số Hàn Quốc tập trung sinh sống trên 11,8% tổng diện tích lãnh thổ.

Để đáp ứng nhu cầu về nhà ở cho nhân dân, bình ổn thị trường bất động sản, Hàn Quốc đã đề ra những chính sách tăng cường lượng cung ứng nhà ở, phát triển nhà ở xã hội, kiểm soát nhu cầu nhà ở tại những khu vực đặc thù, phát triển các đô thị mới.

Cùng với việc tăng cung về nhà ở (xây dựng 500.000 căn hộ mỗi năm trong giai đoạn 2006-2010), Hàn Quốc cũng đưa ra những biện pháp hạn chế sự đầu cơ về nhà ở, bao gồm quản lý chặt chẽ việc đánh thuế sở hữu bất động sản nhà ở cao cấp, thuế chuyển nhượng nhà ở đối với những hộ sở hữu từ 3 căn hộ trở lên. Minh bạch hóa thị trường nhà ở cũng là một giải pháp để bình ổn thị trường bất động sản của Hàn Quốc.

Nhằm xây dựng một xã hội mà người dân không phải lo lắng về nhà ở, Chính phủ Hàn Quốc đã ban hành nhiều cơ chế chính sách về phát triển nhà ở xã hội. Chương trình nhà ở xã hội của Hàn Quốc được xây dựng phù hợp với các mức thu nhập của người dân. Đối với những hộ có thu nhập thấp, Chính phủ có những chính sách cụ thể để hỗ trợ như tăng cường nguồn cung nhà ở giá rẻ, hạ thấp giá nhà, cho vay tiền mua nhà ở với lãi suất ưu đãi, đơn giản hóa thủ tục vay và tăng mức trần cho vay mua nhà...

Ngoài ra, Chính phủ Hàn Quốc cũng đề ra các chương trình phát triển nhà ở cho thuê. Theo Luật Nhà ở Hàn Quốc năm 1963, Tổng Công ty nhà ở Hàn Quốc (KNHC) có trách nhiệm cung ứng nhà ở cho thuê cho người có thu nhập thấp. Năm 1971, KNHC đã cung cấp những căn hộ cho thuê đầu tiên (diện tích 43 m²) và đến năm 1980 đã xây dựng được khoảng 6.500 căn hộ thuộc loại này.

Đến cuối thập niên 1980, Hàn Quốc đã đề ra kế hoạch xây dựng 2 triệu căn hộ, trong đó 1,5 triệu căn để bán, 150.000 căn hộ cho thuê thời hạn 5 năm, 100.000 căn cho người lao

động thuê, 250 căn cho thuê vĩnh viễn. Kế hoạch 2 triệu căn hộ này đã được hoàn thành vào cuối thập niên 1990.

Từ năm 2000 đến nay, Hàn Quốc tích cực mở rộng hệ thống nhà ở cho thuê. Tỷ lệ nhà ở cho thuê dài hạn đã tăng lên 15% trong tổng quỹ nhà.

Phát biểu tại Hội nghị, ông Nguyễn Trần Nam - Thứ trưởng Bộ Xây dựng cho rằng: vấn đề xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở cho cán bộ công chức, lực lượng vũ trang, công nhân khu công nghiệp được lãnh đạo Đảng, Chính phủ và Bộ Xây dựng hết sức quan tâm. Những kinh

nghiệm của Hàn Quốc trong lĩnh vực phát triển nhà ở xã hội như chính sách ổn định thị trường nhà ở bao gồm chống đầu cơ nhà ở, minh bạch hóa thị trường, chính sách nhà ở phúc lợi và nhà ở cho người có thu nhập thấp, cơ chế thực hiện các dự án nhà ở xã hội và các phương thức quản lý nhà ở xã hội... là những kinh nghiệm quý để Việt Nam nghiên cứu, học tập trong quá trình xây dựng cơ chế chính sách về nhà ở xã hội, nhà ở cho người có thu nhập thấp phù hợp với điều kiện của Việt Nam./.

Bạch Minh Tuấn

Tổng công ty Đầu tư xây dựng cấp thoát nước và Môi trường Việt Nam tổng kết thực hiện kế hoạch năm 2007 và triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2008

Ngày 16/02/2008 Tổng công ty Đầu tư xây dựng cấp thoát nước và môi trường Việt Nam VIWASEEN đã tổ chức Hội nghị tổng kết thực hiện kế hoạch năm 2007 và bàn biện pháp triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2008.

Thực hiện kế hoạch năm 2007 trong bối cảnh nền kinh tế đất nước tiếp tục đà tăng trưởng mạnh mẽ, nước ta ra nhập WTO mở ra nhiều cơ hội trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. VIWASEEN có nhiều điều kiện thuận lợi để mở rộng sản xuất kinh doanh (SXKD) và đầu tư phát triển song cũng đứng trước nhiều khó khăn thách thức.

Là một tổng công ty chuyên ngành có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực cấp thoát nước, đội ngũ CBCNV có kinh nghiệm quản lý điều hành, tâm huyết với doanh nghiệp, nội bộ lãnh đạo có sự đoàn kết nhất trí cao, thương hiệu VIWASEEN đã được thị trường xây dựng nói chung và cấp thoát nước nói riêng biết đến là một đơn vị chuyên nghiệp. Tình hình tài chính của cty mẹ và các cty con lành mạnh.

Bên cạnh những thuận lợi nêu trên, năm 2007 VIWASEEN cũng đã gặp không ít khó khăn thách thức. Thị trường xây dựng tiếp tục có sự cạnh tranh gay gắt cả trong đầu tư phát triển, xây lắp và tư vấn. Giá cả vật tư, nguyên liệu, chi phí dịch vụ có sự biến động lớn (chỉ số giá xây dựng tăng hơn 10%). TCty mới được thành lập, chưa đủ thời gian để tích tụ tài chính cho các dự án đầu tư lớn. Đội ngũ quản lý chuyên môn nghiệp vụ còn thiếu và yếu, chưa đáp ứng nhu cầu tăng trưởng, phát triển và mở rộng SXKD của TCty. Các đơn vị thành viên mới được cổ phần hoá, vốn điều lệ thấp, khả năng huy động vốn chưa có, mặt khác chưa thật sự chủ động trong điều hành SXKD, chưa xây dựng được thương hiệu và chưa chú trọng phát triển thị trường.

Kết quả cụ thể một số chỉ tiêu chính mà TCty đã đạt được trong năm 2007 như sau: Tổng giá trị SXKD - Đầu tư phát triển đạt 2.247 tỷ đồng bằng 105,77% kế hoạch năm và 142% so với năm 2006, trong đó SXKD đạt 1.865 tỷ bằng 106,36% kế hoạch năm, đầu tư phát triển

đạt 381,2 tỷ bằng 103% kế hoạch năm. Tổng doanh thu đạt 1.589,4 tỷ đồng bằng 124,8% kế hoạch năm và 149,65% kế hoạch năm 2006. Lợi nhuận đạt 45 tỷ đồng bằng 126,76% kế hoạch năm và 163,63% kế hoạch năm 2006. Nộp ngân sách 67,5 tỷ đồng bằng 115,98% kế hoạch năm và 133,66% kế hoạch năm 2006. Tỷ suất lợi nhuận/doanh thu đạt 2,83% bằng 108,85% kế hoạch năm và 108,85% kế hoạch năm 2006.

Năm 2007, thi công xây lắp vẫn là hoạt động SXKD chủ yếu của TCty với tỷ trọng đạt 61,2% trong tổng sản lượng và doanh thu và cũng là lĩnh vực truyền thống của TCty. Mặc dù giá cả vật tư tăng cao nhưng công tác xây lắp vẫn mang lại hiệu quả cho TCty và các đơn vị thành viên. Đặc biệt, các hợp đồng xây lắp đã giải quyết việc làm cho gần 10.000 lao động trong và ngoài TCty. Ngay từ đầu năm, TCty đã quyết liệt chỉ đạo các đơn vị trong toàn TCty triển khai đồng bộ từ công tác tiếp thị mở rộng thị trường cho đến công tác đấu thầu, tổ chức thi công xây lắp, nghiệm thu thanh toán và thu hồi vốn. TCty đã ký 139 hợp đồng với giá trị gần 1.800 tỷ đồng, đã triển khai thi công ở 164 công trình lớn nhỏ, trong đó có nhiều công trình lớn, trọng điểm, chuyên ngành cấp thoát nước.

TCty và các đơn vị thành viên đã tham gia 277 gói thầu và đã trúng thầu 139 gói thầu xây lắp với tỷ lệ 61,23% tương ứng với giá trị 1797,8 tỷ đồng, trong đó có nhiều gói thầu có giá trị lớn mang tính chất chuyên ngành.

Việc quản lý chất lượng, tiến độ trong xây lắp đã được TCty quan tâm chỉ đạo bằng việc ban hành quy chế phân cấp quản lý kỹ thuật thi công xây lắp. Tại một số công trình lớn, TCty áp dụng hình thức quản lý dự án thông qua các ban điều hành với nhiều chức năng được TCty uỷ quyền. Đây là bước khởi đầu rất lớn, làm nền tảng để tiến tới TCty tham gia các dự án tổng thầu hoặc thực hiện chức năng nhà thầu quản lý.

Công tác xuất nhập khẩu vật tư thiết bị, đặc biệt là vật tư thiết bị chuyên ngành năm qua đã

phục vụ tốt cho các dự án của TCty và kinh doanh với doanh số 315,5 tỷ đồng (tương đương 19,7 triệu USD) tăng 26,65% so với năm 2006. Tuy nhiên sự phối hợp giữa đơn vị nhập khẩu với TCty và các đơn vị thi công cần phải chặt chẽ hơn nữa trong việc xác định nhu cầu về số lượng, chất lượng để hạn chế tối đa rủi ro. Đặc biệt cần phải mở rộng kinh doanh các mặt hàng vật tư thiết bị khác đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của xã hội.

SXKD nước sạch là một hình thức kinh doanh mới của TCty được triển khai từ năm 2006. Năm 2007, tổng công suất phát nước của các nhà máy đạt 1.537.427 m³ với doanh thu 7,051 tỷ đồng. Tuy nhiên, do các dự án mới vận hành, chi phí giá thành cao, đặc biệt là chi phí sản xuất, do vậy hiệu quả chưa đạt được theo kế hoạch các dự án đặt ra.

Thực hiện chiến lược đa dạng hoá các sản phẩm dịch vụ của TCty, năm 2007 TCty đã triển khai các lĩnh vực xuất khẩu lao động, du lịch, kinh doanh các sản phẩm máy móc, thiết bị xây dựng. Năm 2007, TCty đã ký hợp đồng cung cấp lao động cho đối tác ở Cộng hoà Séc và 3 hợp đồng cung cấp máy xây dựng, một số hợp đồng du lịch.... Dịch vụ cho thuê văn phòng của Cty Waseco đã được mở rộng khi đưa dự án văn phòng mở rộng vào hoạt động.

Kiểm điểm tình hình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2007 ở tất cả các mặt hoạt động, có thể thấy rằng năm qua toàn TCty đã có nhiều cố gắng phấn đấu và cơ bản đã hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch năm 2007, một năm có ý nghĩa rất tích cực đối với sự phát triển lâu dài của TCty. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn nhiều tồn tại yếu kém ở tất cả các mặt cần phải được nghiêm túc kiểm điểm xác định rõ nguyên nhân, rút ra bài học kinh nghiệm cho việc thực hiện kế hoạch năm 2008.

TCty xác định năm 2008 là năm then chốt trong việc triển khai nghị quyết đại hội Đảng bộ TCty nhiệm kỳ 2007 - 2012 về phát triển SXKD và đầu tư phát triển, do vậy TCty xác định phương hướng mục tiêu nhiệm vụ năm 2008 là

tiếp tục đẩy mạnh SXKD và đầu tư phát triển với mục tiêu tăng trưởng đạt trên 30% so với năm 2006.

Một số mục tiêu nhiệm vụ SXKD và đầu tư phát triển chủ yếu của T Cty năm 2008 như sau: Tổng giá trị SXKD - Đầu tư phát triển đạt 3.092 tỷ đồng bằng 137,62% so với năm 2007 trong đó giá trị SXKD - 2.373 tỷ bằng 127,21% so với năm 2007, đầu tư phát triển - 719 tỷ bằng 188,61% so với năm 2007; tổng doanh thu đạt 2.317 tỷ đồng bằng 145,82% so với năm 2007; lợi nhuận đạt 70 tỷ đồng bằng 155,55% so với năm 2007; nộp ngân sách 150 tỷ đồng bằng 222,22% so với năm 2007; tỷ suất lợi nhuận/doanh thu đạt 3,02% bằng 106,71% so với năm 2007.

T Cty đã xác định một số nhiệm vụ trọng tâm để thực hiện kế hoạch năm 2008 đó là tiếp tục đẩy mạnh và phát huy thế mạnh trong lĩnh vực thi công xây lắp, đây là lĩnh vực truyền thống

của T Cty để đảm bảo các chỉ tiêu về tăng trưởng sản lượng và doanh thu, giải quyết công ăn việc làm cho người lao động đồng thời đẩy mạnh đầu tư phát triển đặc biệt là đầu tư xây dựng cơ bản các dự án chuyển tiếp năm 2007 để tạo ra sự phát triển đột phá trong năm 2008. Mặt khác, duy trì và mở rộng các lĩnh vực kinh doanh khác trong đó coi trọng lĩnh vực sản xuất công nghiệp, VLXD, chuyên ngành và dịch vụ. Nâng cao chất lượng quản lý doanh nghiệp về mọi mặt, phát triển nhanh nguồn nhân lực đặc biệt là cán bộ quản lý chuyên môn nghiệp vụ, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ chuyên ngành, phát huy tối đa các nguồn lực đặc biệt là hoạt động tài chính, xây dựng uy tín thương hiệu VIWASEEN trở thành một T Cty phát triển đa ngành và chuyên nghiệp trong lĩnh vực cấp thoát nước và môi trường.

Huỳnh Phước

Tổng Công ty xây dựng và phát triển hạ tầng ổn định tổ chức, đa dạng hoá ngành nghề, sản phẩm với mục tiêu tăng trưởng - hiệu quả - phát triển

Ngày 5/3/2008 Tổng Công ty xây dựng và phát triển hạ tầng (LICOGI) đã tổ chức Hội nghị Tổng kết công tác sản xuất kinh doanh năm 2007 và triển khai kế hoạch năm 2008.

Năm 2007, LICOGI đạt được nhiều thành tích về mọi mặt, hiệu quả sản xuất kinh doanh (SXKD) tăng rõ rệt so với năm 2006. Điều này thể hiện sự cố gắng phấn đấu của toàn thể cán bộ công nhân viên T Cty, sự phấn đấu, nỗ lực vươn lên của các đơn vị mà trong các năm trước đặc biệt khó khăn như Công ty Gạch granit Đồng Nai, các Công ty cổ phần LICOGI 9, 14, 15, COMETCO,...

Một số chỉ tiêu chủ yếu đạt được trong năm 2007 như sau: Tổng sản lượng 4.113,53 tỷ đồng; doanh thu 3.298,67 tỷ đồng, bằng 80,19% so với sản lượng thực hiện; lợi nhuận



trước thuế 121,29 tỷ đồng bằng 3,72% doanh thu; nộp ngân sách 102,31 tỷ đồng; tổng vốn đầu tư và phát triển 707,74 tỷ đồng;

Năm 2007, LICOGI có nhiều thuận lợi trong công việc thi công xây lắp, công trình gói đầu

nhiều, các công trình lớn nổi bật là thủy điện A Vương, Bản Chát, Bắc Hà, Sơn La, Đồng Nai 3, Đăkmi 4, Đăktít, Sông Tranh 2, âu tầu Dung Quất, thi công khoan nhồi trụ sở Bộ Công an,...

So với năm 2006, mức độ tăng trưởng của LICOGI là 10,43% về giá trị sản lượng, 23,06% về doanh thu. Đặc biệt chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế tăng 414,63% và nộp ngân sách tăng 68,61%.

So với kế hoạch năm 2007, kết quả thực hiện giá trị sản lượng đạt 104,29%, doanh thu đạt 108,62%, lợi nhuận trước thuế đạt 251,13%. Điều này đã thể hiện sự nỗ lực phấn đấu của TCty cũng như các đơn vị thành viên, nhất là trong điều kiện hầu hết các đơn vị thi công hiện nay đều ở trong tình trạng khó khăn về vốn, giá cả vật tư có nhiều biến động tăng.

Giá trị xây lắp của TCty năm 2007 đạt 2.994,80 tỷ đồng, tỷ trọng chiếm 72,8% trong giá trị tổng sản lượng thực hiện. Thi công xây lắp là hoạt động sản xuất chính của TCty, trong năm qua các đơn vị trong TCty đã và đang triển khai thi công trên nhiều công trình lớn, trọng điểm của Nhà nước.

Trên công trình thủy điện A Vương, giá trị sản lượng thực hiện từ khởi công đến hết năm 2007 là 1.057 tỷ đồng trong đó riêng năm 2007 thực hiện 357 tỷ đồng. Mặc dù bị trận lũ lụt lịch sử vừa qua gây thiệt hại nghiêm trọng, chủ đầu tư và các nhà thầu đã khắc phục xong hậu quả lũ lụt, toàn công trường đang tập trung thi công bê tông đập chính, cửa nhận nước, bê tông hầm và bê tông nhà máy, mục tiêu phát điện tổ máy số 1 vào tháng 10/2008.

Đặc biệt trong năm qua, TCty đã phát động các đợt thi đua 100 ngày đêm hoàn thành các mục tiêu kế hoạch năm 2007, 30 ngày đêm quyết thắng lập thành tích chào mừng 78 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Qua các đợt thi đua, TCty đã là đơn vị đứng đầu trong tổ hợp các nhà thầu về đảm bảo tiến độ, chất lượng thi công các hạng mục, đã được chủ đầu tư thưởng tiến độ bằng tiền với giá trị 70 triệu đồng.

Công trình thủy điện Sơn La là dự án lớn, trọng điểm của Nhà nước, TCty được chỉ định

tham gia trong tổ hợp các nhà thầu. Những tháng đầu năm 2007 việc thi công trên công trường không đảm bảo theo kế hoạch đã đăng ký. Phát huy những thành tích đã đạt được, khắc phục những khó khăn, tồn tại, TCty đã phát động phong trào thi đua tập trung phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ tiến độ, chất lượng. 3 tháng cuối năm TCty là đơn vị duy nhất trên công trường hoàn thành kế hoạch đã đăng ký với Nhà nước. Hiện nay TCty đang tập trung thi công bê tông đập tràn, trụ PIN. Năm 2008, các công ty LICOGI 12 và LICOGI 18 tập trung nhân lực, vật tư để triển khai thi công đảm bảo khối lượng tối thiểu phải đạt 13.000 m³/tháng theo đúng tiến độ đã cam kết với Nhà nước.

Ngoài những công trình trọng điểm, còn phải kể đến các công trình khác do các đơn vị tự tìm kiếm, giá trị sản lượng chiếm hơn 50% trong tổng giá trị sản lượng đạt được, bao gồm những công trình như: Thủy điện, nhiệt điện, nhà máy sản xuất công nghiệp, đèn chấn sóng, nhà làm việc, thi công khoan nhồi và san nền,...

Nhìn chung về công tác xây lắp, LICOGI đã bám sát tiến độ các công trình trọng điểm, tập trung một lực lượng lớn nhân lực, vật lực, thi công đảm bảo tiến độ, chất lượng và an toàn.

Về sản xuất công nghiệp và vật liệu xây dựng, năm 2007 TCty đã thực hiện được giá trị sản lượng 787,39 tỷ đồng, chiếm 19,14% trong tổng sản lượng. Đây là lĩnh vực lớn thứ 2 sau xây lắp của TCty. Trong năm qua mặc dù gặp khó khăn về vốn cho sản xuất, giá vật tư đầu vào, giá nhiên liệu, năng lượng tăng dẫn đến giá thành sản phẩm tăng cao, tuy nhiên, bằng sự nỗ lực trong quản lý và điều hành sản xuất, các đơn vị cũng duy trì và ổn định được sản xuất, từng bước cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm tối đa các chi phí hạ giá thành sản phẩm, tăng cường tiếp thị tiêu thụ sản phẩm. So với năm 2006 đã có sự tăng trưởng cả về giá trị và lợi nhuận thu được, hầu hết các sản phẩm sản xuất ra đều được thị trường chấp nhận.

Công ty Gạch granit Đồng Nai, sau nhiều năm sản xuất chưa hiệu quả và có thời gian phải dừng sản xuất do khó khăn trong tiêu thụ,

kể từ năm 2006 đã tiến hành sắp xếp lại tổ chức, bố trí lao động hợp lý, ổn định máy móc thiết bị, rà soát các yếu tố chi phí giá thành sản phẩm như: Kiểm soát lại các định mức tiêu hao, thay thế nguyên liệu nhập khẩu bằng nguyên liệu trong nước, khai thác các nguồn nguyên liệu rẻ hơn đặc biệt là nguyên liệu mầu,... nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ giá thành. Công ty cũng đã nỗ lực trong việc cải tiến mẫu mã và cơ cấu sản phẩm như: Sản xuất gạch cầu thang, gạch ốp, gạch giả cổ, đầu tư thêm dây chuyền tráng men, không sản xuất gạch có kích cỡ nhỏ... Phát huy những thành tích đạt được trong năm 2006, năm 2007, Cty tiếp tục sản xuất đạt 1,672 triệu m², vượt 172.000 m² (11,47%) so với công suất thiết kế và tăng so với năm 2006 là 106,29%; tiêu thụ được 1,787 triệu m² với tổng doanh thu đạt 112,59 tỷ đồng. Năm 2007, Cty đã có được một phần lợi nhuận và trả nợ gốc về TCty được 9 tỷ đồng.

Tổng số vốn đầu tư của TCty thực hiện đạt 707,73 tỷ đồng bằng 131,94% so với kế hoạch năm. Hai dự án lớn của TCty là khu đô thị Thịnh Liệt và Thủy điện Bắc Hà trong những tháng đầu năm 2007 hầu như không triển khai được vì việc lo vốn bị kéo dài. Hiện tại vốn đã được đáp ứng, việc giải ngân cho các dự án đã được triển khai và tiến hành thuận lợi.

Thực hiện chủ trương sắp xếp đổi mới doanh nghiệp của Nhà nước và của Bộ Xây dựng, đến nay TCty đã cổ phần hoá 14 đơn vị, trình Bộ Xây dựng phương án cổ phần hoá cơ quan TCty và các đơn vị phụ thuộc, Cty TNHH nhà nước một thành viên Cơ khí Đông Anh. Năm 2008, mục tiêu hoàn thành tiến trình cổ phần hoá 100% các đơn vị thành viên của TCty.

Thực hiện chủ trương tăng cường quản lý và nâng cao hiệu quả SXKD, năm 2007 TCty đã ban hành hàng loạt các quy chế quản lý kinh tế, quản lý tài chính, quản lý cơ giới,... các nội quy quy định sử dụng điện thoại, văn phòng phẩm, ô tô con,... công tác quản lý và ý thức chấp hành của mỗi cán bộ công nhân viên đã dần được hoàn thiện, đi vào nề nếp và mang lại hiệu quả. Thông qua các quy chế về quản lý kinh tế, quản lý tài chính, công tác quản lý và mối quan hệ về kinh tế giữa TCty và các đơn vị đã rõ

ràng, minh bạch. Hiệu quả SXKD mang lại cho cả TCty và các đơn vị thành viên. Ngoài ra, cuối năm 2007 TCty đã ban hành Quy chế lương mới được áp dụng từ 01/01/2008 góp phần nâng cao thu nhập cho cán bộ, công nhân viên, khích lệ tinh thần cán bộ, công nhân viên tích cực tham gia công tác phục vụ cho sự phát triển toàn diện của TCty.

Sau một năm thực hiện mô hình Cty mẹ - Cty con, TCty đã thu được nhiều thành quả đáng kể nhất là việc nâng cao hiệu quả SXKD. Năm 2007, cùng với sự tăng trưởng về sản lượng và doanh thu, mặc dù tình hình giá cả không ổn định trong cả nước, nhất là giá các loại vật tư xây dựng tăng nhanh đã ảnh hưởng rất mạnh đến hiệu quả của toàn ngành xây dựng, nhưng trong bối cảnh đó TCty lại có bước nhảy vọt về lợi nhuận. Cụ thể năm 2007, lợi nhuận của TCty đạt 121,29 tỷ đồng, tăng gấp 5,15 lần so với năm 2006. Trong đó lợi nhuận tại các đơn vị đã cổ phần hoá đạt mức cao như: Cty Cổ phần LICOGI 18, Cty Cổ phần LICOGI 13, Cty TNHH Nhà nước một thành viên Cơ khí Đông Anh, Cty Cổ phần LICOGI 9 và đặc biệt là Cty Cổ phần LICOGI 16, năm 2007 lợi nhuận đạt 68,56 tỷ đồng. Riêng cơ quan TCty đã giảm chi phí quản lý khoảng 4 tỷ đồng và lợi nhuận đạt 4,65 tỷ đồng.

Năm 2008, LICOGI tiếp tục kiện toàn, sắp xếp lại bộ máy lãnh đạo từ TCty cho đến các doanh nghiệp, các Ban Quản lý dự án, các Ban điều hành và chuyển đổi mô hình hoạt động từ doanh nghiệp Nhà nước sang hoạt động theo mô hình cty cổ phần. Mục tiêu LICOGI đặt ra là tiếp tục củng cố lực lượng, lấy hiệu quả SXKD làm mục tiêu hàng đầu.

Sau khi cân đối, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch 2007, dự báo thị trường xây dựng năm 2008, TCty đề ra một số chỉ tiêu chủ yếu của năm 2008 như sau: Tổng giá trị sản lượng đạt trên 5.000 tỷ đồng tăng 29,31% so với năm 2007. Doanh thu - 3.800 tỷ đồng tăng 25,83% so với năm 2007. Lợi nhuận trước thuế - 175 tỷ đồng, tăng 263,44% so với kế hoạch 2007. Đầu tư và xây dựng - 1.640 tỷ đồng tăng 198,5% so với kế hoạch 2007.

Để thực hiện được những mục tiêu đã đề ra

cho năm 2008, LICOGI sẽ tập trung thực hiện 7 giải pháp liên quan đến việc huy động vốn, vật tư, thiết bị và nhân lực; củng cố và ổn định tổ chức của cơ quan TCty và các đơn vị thành viên; tăng cường quản lý chặt chẽ tất cả các khâu từ đấu thầu cho đến nghiệm thu thanh quyết toán đặc biệt là khâu thanh quyết toán; và

soát lại chi phí sản xuất trong các đơn vị sản xuất công nghiệp và vật liệu xây dựng; đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án đang đầu tư sớm đưa dự án vào vận hành, khai thác.

Huỳnh Phước

Tổng công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị (HUD) - Vươn lên tầm cao mới

Năm 2007 là năm diễn ra nhiều sự kiện quan trọng đối với Tổng công ty Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị. Tổng công ty đã tổ chức thành công Đại hội Đảng bộ lần thứ III và Đại hội Công đoàn lần thứ II. Đảng bộ Tổng công ty sau 15 năm phấn đấu đã phát triển cả về chất lượng lẫn số lượng và được Thành ủy Hà Nội nâng cấp thành Đảng bộ trực thuộc Đảng bộ thành phố. Năm 2007 còn là năm thực hiện thành công kế hoạch sản xuất kinh doanh của HUD. Dưới sự chỉ đạo của tập thể lãnh đạo Tổng công ty cùng sự nỗ lực của toàn thể cán bộ công nhân viên, HUD đã hoàn thành toàn diện và vượt mức các chỉ tiêu đề ra, cụ thể:

Tổng giá trị SXKD đạt 3.929 tỷ đồng, bằng 133% kế hoạch năm, tăng 50% so với năm 2006; Tổng vốn đầu tư đạt 2.542 tỷ đồng, bằng 104% kế hoạch năm, tăng 20% so với năm 2006; Doanh thu đạt 3.192 tỷ đồng, bằng 121% kế hoạch năm, tăng 38% so với năm 2006; Lợi nhuận đạt 337 tỷ đồng, bằng 250% kế hoạch năm, tăng 179% so với năm 2006; Nộp ngân sách 200 tỷ đồng, đạt 236% kế hoạch năm, tăng 150% so với năm 2006; Xây dựng 399.856m² sàn, đạt 107% kế hoạch năm, tăng 18% so với năm 2006.

Năm 2007, Thủ tướng Chính phủ có chủ trương thành lập Tập đoàn phát triển nhà và đô thị Việt Nam, lấy HUD làm nòng cốt. Đây là một vinh dự lớn lao, đồng thời cũng là trách nhiệm

nặng nề mà Đảng và Nhà nước tin tưởng giao cho Tổng công ty. Đến nay, các điều kiện để HUD thực hiện công tác chuẩn bị đã cơ bản được hoàn thành. Để đạt được mục tiêu xây dựng tập đoàn, HUD xác định phải tạo được nguồn lực tài chính mạnh thông qua tích lũy và huy động để tham gia nhiều chương trình phát triển các dự án đầu tư có hiệu quả. Bên cạnh đó, cần chiếm lĩnh các địa bàn kinh tế phát triển để phát huy thương hiệu HUD, tăng sức cạnh tranh, tạo ra thị trường bất động sản và góp phần điều tiết thị trường. Một yếu tố không kém phần quan trọng trong việc xây dựng tập đoàn là phải đổi mới tư duy kinh tế theo phương châm “nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh trong lĩnh vực đầu tư”, đổi mới tư duy cũng đồng nghĩa với việc nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý và hiệu lực điều hành của bộ máy quản lý.

Vai trò nòng cốt của HUD trong việc hình thành Tập đoàn phát triển nhà và đô thị Việt Nam được thể hiện rõ thông qua công tác tài chính năm 2007. Năm 2007, HUD thực hiện và vận hành thành công công tác quản lý tài chính theo mô hình Công ty mẹ – Công ty con, qua đó nâng cao năng lực quản lý tài chính của Tổng công ty. Nguồn vốn chủ sở hữu (nguồn vốn nhà nước tại doanh nghiệp) trong năm 2003 chỉ có 515 tỷ đồng song đến năm 2007 đã tăng lên 1.504 tỷ đồng, gấp 2,9 lần so với năm 2003. Ngoài ra, nếu tính đầy đủ toàn bộ các nguồn lực

hiện có của Tổng công ty do tích lũy trong những năm qua, dự kiến bổ sung tăng nguồn vốn chủ sở hữu ước tính khoảng 3.171 tỷ đồng, và như vậy, nguồn vốn sở hữu khi tham gia Tập đoàn của HUD là 4.675 tỷ đồng.

Về cơ bản, HUD đã chuẩn bị đầy đủ các nguồn lực tài chính, sẵn sàng cho việc ra đời Tập đoàn phát triển nhà và đô thị Việt Nam trong năm 2008 với giá trị phần vốn chủ sở hữu của Tập đoàn khi thành lập ước tính khoảng 5.050 tỷ đồng, dự kiến đến năm 2010 vốn nhà nước tại Tập đoàn là 6.500 tỷ đồng (nếu tính cả tiềm năng về thương hiệu, giá trị giao dịch trên thị trường chứng khoán, giá trị phần vốn nhà nước do Tập đoàn nắm giữ khoảng 10.000 tỷ đồng).

Năm 2007, mặc dù có nhiều khó khăn do thị trường xây lắp ngày càng cạnh tranh gay gắt, lực lượng công nhân có tay nghề cao thiếu, giá cả các loại vật liệu xây dựng biến động phức tạp nhưng các công ty xây lắp đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch. Năm 2007, giá trị xây lắp của toàn tổng công ty đạt 961,66 tỷ đồng, tăng 20% so với năm 2006 và gấp 2,2 lần so với năm 2003. Giá trị sản lượng tư vấn đạt 24,4 tỷ, tăng 28% so với năm 2006 và gấp 3,5 lần so với năm 2003.

Công tác sắp xếp đổi mới doanh nghiệp được HUD thực hiện theo đúng lộ trình. Đề án xây dựng Tập đoàn Phát triển nhà và đô thị trình Chính phủ đã được hoàn tất. Bộ máy tổ chức của Tổng công ty được kiện toàn theo mô

hình hoạt động của Tập đoàn ngay từ 6 tháng cuối năm 2007. Trong năm qua, HUD đã thành lập thêm một số công ty con như HUD 6, HUD8, HUD9, HUD10, HUDLAND, HUD-FIC, chuẩn bị thành lập HUD An Khánh, Công ty cổ phần đầu tư khu công nghiệp. Chỉ có 1 Công ty TNHH nhà nước một thành viên là Công ty HUDS. Mối quan hệ giữa Công ty mẹ – Công ty con đã bước đầu thực hiện theo quan hệ hợp đồng, chủ động triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh theo định hướng của đơn vị, tạo sự tăng trưởng cho các công ty thành viên.

Với các kết quả SXKD đạt được trong những năm qua, Tổng công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị đã được Chính phủ, Bộ Xây dựng và các cấp khen thưởng, trao tặng nhiều danh hiệu như Cờ Tổ chức Đảng trong sạch, vững mạnh năm 2000 – 2007; Cờ của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam năm 2007; Cờ thi đua của Chính phủ năm 2007 và nhiều Bằng khen của Bộ Xây dựng, Công đoàn ngành Xây dựng Việt Nam cho các tập thể và cá nhân thuộc Tổng công ty.

Với phương châm chủ động chuyển hoá hoạt động sản xuất kinh doanh theo mô hình Tập đoàn, HUD xứng đáng là đơn vị nòng cốt của Tập đoàn phát triển nhà và đô thị Việt Nam, khẳng định sự phát triển bền vững và vươn lên một tầm cao mới.

Nguyễn Hồng Trang

Năm 2008 - năm đột phá của Tổng Công ty Thủy tinh & Gốm xây dựng (VIGLACERA)

Những năm gần đây, các đơn vị sản xuất vật liệu của VIGLACERA gặp nhiều khó khăn. Có thể nói họ đã bỏ qua khá nhiều cơ hội, để cho các đối thủ cạnh tranh lấn dần sân nhà. Nhìn thẳng vào sự thật, VIGLACERA đã có những biện pháp quyết liệt để lĩnh vực này xứng đáng

là lực lượng nòng cốt của TCTy. Năm 2007 là năm sản xuất vật liệu đạt kết quả cao nhất. Trừ Cty VIGLACERA Từ Liêm và VIGLACERA Hữu Hưng đang thực hiện công tác đầu tư di dời nhà máy và Cty sứ Bình Dương mới bắt đầu sản xuất trở lại vào dịp cuối năm, tất cả các đơn vị

còn lại đều có lợi nhuận. Xét về giá trị tuyệt đối, chỉ tiêu lợi nhuận của năm 2007 của khối này tăng hơn 160 tỷ đồng so với năm 2006, trong đó tăng mạnh nhất là kính 79,7 tỷ đồng.

Có được kết quả trên được nhận định từ 2 nguyên nhân:

- Thứ nhất, đó là do nhận thức của các đơn vị, đặc biệt là các đơn vị sau khi cổ phần hoá, đã xây dựng phương án sản xuất kinh doanh hợp lý, tăng cường công tác quản lý sản xuất, giảm chi phí trực tiếp, chi phí quản lý, cơ cấu lại các khoản vay để giảm chi phí tài chính. Đồng thời đã tận dụng điều kiện tốt của thị trường để tăng giá bán sản phẩm, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Thứ hai, đó là kết quả của sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt và hỗ trợ mọi mặt của lãnh đạo TCty.

Đầu tư và kinh doanh hạ tầng là ngành nghề đem lại nguồn lợi lớn cho VIGLACERA. Năm qua, thành công lớn nhất của lĩnh vực này là đầu tư nâng cao năng lực bằng việc hình thành thêm các Cty và sự ra đời của Ban VIGLACERA land. Hoạt động theo mô hình mới, các đơn vị có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, có sự chỉ đạo thường xuyên, liên tục của TCty. Đạt giá trị SXCN của lĩnh vực này gần 1300 tỷ đồng là nhờ các đơn vị nhanh nhạy, có kinh nghiệm, tận dụng tốt những cơ hội khách quan, đẩy mạnh tiến độ các dự án, tăng giá bán nhà tại khu đô thị, giá cho thuê hạ tầng KCN... 17 dự án khu đô thị và KCN đã triển khai với tiến độ khẩn trương.

Nhằm đạt mục tiêu năm 2008 là năm đột phá về đầu tư kinh doanh phát triển trong tiến trình hội nhập. Với mục tiêu trên, TCty đặt ra nhiệm vụ trọng tâm trên cả 4 lĩnh vực: Sản xuất kinh doanh vật liệu; Hoạt động thương mại; Đầu tư kinh doanh hạ tầng và Đào tạo nguồn nhân lực.

1. Lĩnh vực sản xuất

Mục tiêu chính năm 2008 là cải tiến mẫu mã, nâng cao chất lượng, tăng tính cạnh tranh của sản phẩm, cung cấp cho thị trường những sản phẩm có đẳng cấp cao. TCty sẽ đầu tư một

trung tâm nghiên cứu và phát triển, trước mắt là nghiên cứu, thiết kế mẫu mã cho sản phẩm sứ vệ sinh. Dự kiến trung tâm này sẽ được thành lập và ra mắt trong Quý I/2008 nằm dưới sự điều hành của Ban Viglacera Productions.

Đầu tư nâng cao năng lực sản xuất tại một số công ty:

- Đầu tư nhà máy ngói cao cấp 1 triệu m²/năm tại Đông Triều - Quảng Ninh do Cty VIGLACERA Hạ Long làm chủ đầu tư. Dự kiến sau 12 đến 14 tháng sẽ đưa nhà máy vào hoạt động chính thức.

- Đầu tư bổ sung dây chuyền sản xuất gạch granite tại Cty VIGLACERA Tiên Sơn.

- Đầu tư mở rộng sản xuất nhà máy gạch Đàm Hà, nâng công suất nhà máy lên 40 triệu viên QTC/năm do Cty VIGLACERA Đông Triều làm chủ đầu tư.

- Đầu tư dây chuyền sản xuất kính cán công suất từ 100 đến 120 tấn/ngày tại Cty Kính nổi VIFG.

2. Lĩnh vực thương mại

Với mục tiêu phát triển VIGLACERA trở thành một thương hiệu mạnh tương xứng với tầm vóc một TCty lớn thì việc thống nhất một chính sách kinh doanh là rất cần thiết. TCty đã hình thành Ban Thương mại với mục tiêu là đầu mối chỉ đạo chính sách bán hàng chung của TCty.

TCty tiếp tục xúc tiến thương mại ra các thị trường ngoài nước, xây dựng phương án thành lập các chi nhánh tại thị trường lớn.

3. Lĩnh vực đầu tư:

TCty xác định đây là một lĩnh vực mới đang có thời cơ và điều kiện tốt để phát triển. Đối với các dự án chuẩn bị đầu tư, với lợi thế là hầu hết các thủ tục pháp lý đang trong giai đoạn hoàn thiện, TCty đặt kế hoạch triển khai 11 dự án đầu tư mới trong đó có 6 dự án hạ tầng đô thị, 3 dự án văn phòng và 2 dự án khu công nghiệp.

Để nâng cao năng lực thực hiện đầu tư, TCty tập trung việc đầu tư bổ sung cơ sở vật chất, năng lực máy móc cho các công ty mới thành lập với tổng mức đầu tư là 180 tỷ đồng. Trong năm 2008, TCty đưa vào kế hoạch thành

lập thêm các công ty thuộc lĩnh vực trên theo hình thức Cty cổ phần trong đó TCty nắm giữ cổ phần chi phối.

4. Lĩnh vực đào tạo

Có được những thành công trên là nhờ VIGLACERA xác định yếu tố quan trọng nhất chính là con người. TCty quyết định tập trung đầu tư cho Trường Trung cấp nghề VIGLACERA; Khảo sát lại nhu cầu đào tạo của doanh nghiệp, nhất là các đơn vị sử dụng công nghệ cao; Hoàn chỉnh giáo trình, chương trình đào

tạo, liên kết với các tổ chức trong nước và nước ngoài. TCty và Trường đã làm việc với Trường ĐH Kiến trúc Hà Nội, ĐH Xây dựng, ĐH Bách khoa để xây dựng định hướng phát triển trong tương lai; Lựa chọn một số chủ đề đào tạo đáp ứng kịp thời nhu cầu sản xuất như thiết kế chế tạo khuôn mẫu, mẫu mã sản phẩm; Liên kết mở khoa kiến trúc nội thất, đào tạo lực lượng lao động trình độ cao phục vụ công tác xuất khẩu lao động.

Minh Tâm

Dự thảo Đề án mô hình kiến trúc sư trưởng thành phố

Cùng với cải cách và mở cửa, những năm gần đây, bộ mặt đô thị nước ta đã có những thay đổi đáng kể, nhà cửa khang trang hơn, sạch sẽ hơn. Tuy nhiên, không ít nơi còn lộn xộn, thiếu quy hoạch, với các loại hình kiến trúc pha tạp, manh mún. Tình trạng thiếu sự phối hợp làm giảm sự thống nhất hoạt động của nhiều lực lượng chuyên ngành về xây dựng cùng tham gia hoạt động trong một không gian đô thị.

Để giải quyết những vấn đề trên, cùng với việc hoàn thiện các văn bản pháp luật và có quy chế thống nhất về quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị, cần có cán bộ chuyên trách đủ năng lực, đủ thẩm quyền, có khả năng điều phối để đạt được sự thống nhất về không gian trên toàn đô thị, tham mưu giúp chính quyền đô thị về mặt chuyên môn trong công tác quy hoạch, kiến trúc và phát triển đô thị. Điều đó cho thấy sự cần thiết phải có Kiến trúc sư trưởng thành phố (KTSTTP).

“Kiến trúc sư trưởng thành phố” là chức danh cá nhân, là chuyên gia về kiến trúc quy hoạch, là đầu mối tập hợp các nhà chuyên môn, thực hiện nhiệm vụ tư vấn, tham mưu cho chính quyền đô thị trong việc chỉ đạo xây dựng và phát triển quy hoạch kiến trúc. KTSTTP là Chủ tịch Hội đồng Kiến trúc - Quy hoạch thành phố.

Cùng với những bất cập về công tác quản lý

thì vai trò KTSTTP cần thiết cho sự phát triển có trật tự của kiến trúc đô thị vì những lý do sau:

- Sự phân cấp giữa trung ương và địa phương được thực hiện theo hướng tăng quyền hạn cho chính quyền địa phương trong khi đó đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý quy hoạch kiến trúc xây dựng đô thị chưa đáp ứng được yêu cầu về chuyên môn cũng như nghiệp vụ, nhất là việc thẩm định các đồ án quy hoạch.

- Người đứng đầu chính quyền đô thị có rất nhiều công việc phải giải quyết, trong khi đó Sở Quy hoạch kiến trúc và Sở Xây dựng lại đang phải thực hiện nhiều chức năng, nhiệm vụ nặng nề về quản lý nhà nước trong tình hình trật tự xây dựng đô thị diễn ra rất phức tạp, do đó khả năng tư vấn, tham mưu thường nhật về chuyên môn của các cơ quan này bị hạn chế, không kịp thời.

- Tốc độ và quy mô phát triển đô thị trong giai đoạn hiện nay ngày càng cao với nhiều chủ thể tham gia, vì vậy để giữ cho đô thị phát triển hài hòa, có bản sắc thì công tác quản lý quy hoạch kiến trúc về chuyên môn là nhiệm vụ rất quan trọng, cần có chuyên trách đủ năng lực giúp chính quyền đô thị thực hiện nhiệm vụ này.

- Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về quản lý và đầu tư xây dựng sau khi được ban hành đã và đang đi vào cuộc sống tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho KTSTTP thực thi trách

nhệm một cách có hiệu quả.

Đầu những năm 1990, cùng với cải cách và mở cửa, nước ta đã có những thay đổi cơ bản. Từ một nền kinh tế kế hoạch tập trung, Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong mọi hoạt động xây dựng, chuyển sang kinh tế thị trường, bên cạnh những ưu điểm đã xuất hiện nhiều thách thức mới. Những nguyên tắc xây dựng đô thị truyền thống bị đảo lộn, trật tự kiến trúc bị phá vỡ, việc quản lý xây dựng đô thị trở nên khó khăn, phức tạp.

Trước thực trạng trên, các nhà quản lý đô thị đã nghiên cứu, đề xuất một hình thức quản lý mới, dựa trên mô hình của một số nước XHCN và chủ yếu là Liên Xô (cũ), dẫn đến sự ra đời của mô hình KTSTTP được áp dụng tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh trong những năm đầu của thập niên 1990.

Việc áp dụng mô hình KTSTTP ở 2 thành phố lớn nhất đất nước đã đạt được những kết quả như: Bước đầu đưa công tác quản lý đầu tư xây dựng và phát triển đô thị ở 2 thành phố đi vào nền nếp, bước đầu xác lập trong tâm thức người dân đô thị, các nhà đầu tư xây dựng ý thức tuân thủ các quy định về quản lý đầu tư xây dựng khi xây dựng công trình; thành phố đã xuất hiện một số khu phố mới khang trang với công trình kiến trúc hình khối, bố cục, đường nét của kiến trúc hiện đại, thể hiện sự phát triển của đất nước trong thời kỳ đổi mới.

Cùng với những kết quả tích cực nêu trên, việc áp dụng mô hình KTSTTP cũng đã nảy sinh một số thách thức:

- Sau một thời gian hoạt động, mô hình KTSTTP đã bị hành chính hoá, hoạt động như một cơ quan hành chính nhà nước. Nếu mô hình KTSTTP như một cơ quan hành chính công thì chức năng tham mưu về chuyên môn sẽ chỉ còn ở chừng mực nhất định, không còn là nhiệm vụ chính yếu.

- KTSTTP là thể hiện tính chuyên môn nghề nghiệp chuyên sâu về quy hoạch - kiến trúc, tính đặc thù của vai trò cá nhân trong công tác tư vấn tham mưu cho chính quyền về quản lý xây dựng và phát triển đô thị. Nhưng cá nhân KTSTTP làm việc như một công chức sẽ không

còn nhiều thời gian cho việc thực hiện chức năng chính là tham mưu.

- KTSTTP là người thực hiện đồ án quy hoạch nhưng lại có chức năng điều chỉnh quy hoạch sẽ phát sinh những bất cập.

- KTSTTP được bổ nhiệm bằng quyết định của Thủ tướng Chính phủ, tuy đề cao được vai trò, nhưng có những khía cạnh chưa tương thích với cơ cấu tổ chức trong hệ thống hành chính của UBND thành phố vào thời điểm đó. Vì vậy, đôi lúc xuất hiện sự thiếu đồng thuận trong việc giải quyết công việc giữa KTSTTP và một số cơ quan trong chính quyền đô thị.

Trước thực trạng trên, Bộ Xây dựng đã dự thảo Đề án mô hình KTSTTP. Tóm tắt dự thảo có những nội dung chính như sau:

- Phần I: Sự cần thiết của mô hình KTSTTP

Giới thiệu vấn đề được đặt ra, sự hình thành và phát triển của hình thức KTSTTP ở các nước trên thế giới trong quá khứ, thời cận đại và hiện tại; sự cần thiết của mô hình KTSTTP ở nước ta.

- Phần II: Mô hình KTSTTP áp dụng thí điểm ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh trong quá khứ - Phân tích, đánh giá

Giới thiệu bối cảnh hình thành mô hình KTSTTP, mô hình KTTSTP được áp dụng thí điểm ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh trong quá khứ và một số nhận xét về mô hình KTSTTP được áp dụng thí điểm ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

- Phần III: Mô hình KTSTTP

Đề xuất mô hình KTSTTP; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn KTSTTP và một số kiến nghị.

Dự thảo Đề án Mô hình Kiến trúc sư trưởng thành phố đã đề xuất 2 mô hình KTSTTP là Mô hình chuyên gia tư vấn (Mô hình I) và Mô hình kiêm nhiệm (Mô hình II).

Theo Mô hình chuyên gia tư vấn (Mô hình I) KTSTTP là chuyên gia tư vấn về kiến trúc quy hoạch, là đầu mối tập hợp các nhà chuyên môn, tư vấn tham mưu cho chính quyền đô thị trong việc chỉ đạo xây dựng và phát triển quy hoạch kiến trúc và là Chủ tịch Hội đồng Kiến trúc - Quy hoạch thành phố.

Mô hình này có ưu điểm: KTSTTP với sự hỗ

trợ của các nhà chuyên môn và Hội đồng Kiến trúc - Quy hoạch sẽ thực hiện tốt nhiệm vụ tham mưu tư vấn về chuyên môn và đề xuất các định hướng phát triển về kiến trúc quy hoạch cho chính quyền đô thị.

Theo mô hình kiêm nhiệm (Mô hình II) KTSTTP là người đứng đầu cơ quan quản lý kiến trúc và quy hoạch xây dựng đô thị. Mô hình này là mô hình tập trung quyền lực cao.

Nhược điểm của mô hình này là người đứng đầu cơ quan quản lý kiến trúc quy hoạch của thành phố phải giải quyết nhiều công việc hành chính, sẽ không có nhiều thời gian nghiên cứu thực hiện nhiệm vụ tham mưu về chuyên môn cho chính quyền đô thị.

Về nguyên tắc chung, KTSTTP không phải là bộ máy thực hiện công việc hành chính.

Tại Hội thảo về đề tài nghiên cứu KTSTTP do Bộ Xây dựng tổ chức năm 2006, phần đông các đại biểu tham dự đều ủng hộ Mô hình I. Phần dưới đây sẽ giới thiệu chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn, biên chế, tiêu chí lựa chọn và mối quan hệ với các cơ quan khác của KTSTTP ở Mô hình I.

1. Chức năng của KTSTTP

- KTSTTP là người tư vấn, tham mưu cho chính quyền đô thị về chuyên môn trong việc chỉ đạo xây dựng, quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị đảm bảo mỹ quan kiến trúc, cảnh quan và môi trường, tạo dựng bộ mặt đô thị hài hòa, có bản sắc.

- KTSTTP hoạt động độc lập về chuyên môn theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch UBND thành phố và chịu trách nhiệm về các việc làm của mình.

2. Nhiệm vụ của KTSTTP

- Nghiên cứu đề xuất định hướng phát triển về quy hoạch kiến trúc của đô thị; đề xuất giải pháp về không gian cho một số khu vực, trục đường phố, trên cơ sở đó, thành phố có các quyết định trong việc chỉ đạo xây dựng, triển khai các phương án cải tạo, đầu tư xây dựng mới.

- Đề xuất với chính quyền đô thị triển khai quy hoạch chi tiết ở các khu vực và giúp chính

quyền đô thị lập nhiệm vụ quy hoạch và lựa chọn tư vấn.

- Đề xuất với chính quyền đô thị điều chỉnh quy hoạch cho phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế xã hội tại mỗi giai đoạn.

- Phối hợp với Sở Xây dựng thẩm định các công trình kiến trúc quy hoạch trên địa bàn thành phố.

- Phối hợp với Sở Xây dựng và các Hội nghề nghiệp, xây dựng quy chế quản lý kiến trúc đô thị.

3. Quyền hạn của KTSTTP

- KTSTTP là chức danh cá nhân, hoạt động tư vấn cho lãnh đạo thành phố về chuyên môn một cách độc lập.

- KTSTTP là Chủ tịch Hội đồng Kiến trúc - Quy hoạch thành phố, chủ trì các cuộc họp thẩm định đồ án quy hoạch xây dựng đô thị, các dự án đầu tư xây dựng công trình kiến trúc.

- Là ủy viên hội đồng tuyển chọn trong các cuộc thi tuyển phương án kiến trúc công trình tại địa phương và đánh giá chất lượng nghiệm thu đưa vào sử dụng các công trình quan trọng trong đô thị.

- Là người phát ngôn của Chủ tịch UBND thành phố về những vấn đề có liên quan đến kiến trúc, quy hoạch xây dựng trước công luận.

- Được phép yêu cầu các cơ quan cung cấp tài liệu thông tin liên quan đến lĩnh vực kiến trúc quy hoạch xây dựng đô thị.

4. Biên chế KTSTTP

Biên chế KTSTTP được tổ chức gọn nhẹ, linh hoạt và trực thuộc UBND thành phố, tổng số không quá 5 người đối với đô thị loại 2 và 3, không quá 10 người đối với đô thị loại đặc biệt và loại 1, gồm:

- Kiến trúc sư trưởng, 1 trợ lý, 1 thư ký;

- Bộ phận giúp KTSTTP thực hiện nhiệm vụ, số lượng tùy theo thực tế yêu cầu công việc của từng đô thị, gồm một số nhà chuyên môn về quy hoạch kiến trúc đô thị.

- Việc trả lương và các khoản phụ cấp khác của KTSTTP được lấy từ nguồn ngân sách của thành phố.

5. Tiêu chí lựa chọn KTSTTP

- Tốt nghiệp đại học về chuyên ngành kiến

trúc hoặc quy hoạch ở một trường đại học trong nước hoặc nước ngoài.

- Có thời gian hành nghề kiến trúc không dưới 10 năm và không mắc sai phạm trong thời gian hành nghề.

- Có năng lực chuyên môn và uy tín nghề nghiệp, đã đạt được những thành tích trong thiết kế kiến trúc và quy hoạch.

- Có kinh nghiệm thực tế về công tác quản lý xây dựng đô thị và am hiểu luật pháp.

- Đã qua đào tạo về quản lý xây dựng tại một trường đào tạo bồi dưỡng cán bộ ngành xây dựng.

- Được Hội Kiến trúc sư, Hội Quy hoạch và phát triển đô thị địa phương hoặc Hội Kiến trúc sư Việt Nam, Hội Quy hoạch và phát triển đô thị Việt Nam giới thiệu.

- Để nâng cao vai trò của KTSTTP, việc bổ nhiệm và miễn nhiệm KTSTTP do Chủ tịch UBND tỉnh ra quyết định theo đề nghị của Chủ tịch UBND thành phố sở tại.

6. Mối quan hệ của KTSTTP với các cơ quan

KTSTTP hoạt động độc lập về mặt chuyên môn, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch UBND thành phố.

- Đối với Sở Xây dựng: Phối hợp cùng Sở Xây dựng thẩm định các công trình kiến trúc trên địa bàn thành phố, xây dựng quy chế quản lý kiến trúc đô thị và các công việc khác có liên quan đến kiến trúc quy hoạch khi được thành

phố giao.

- KTTSTP kết hợp với Hội đồng Kiến trúc quy hoạch để trở thành tổ chức chuyên môn (gồm bộ phận Kiến trúc sư trưởng chuyên trách và các thành viên của Hội đồng Kiến trúc - Quy hoạch là các nhà chuyên môn kiêm nhiệm) thực hiện nhiệm vụ tư vấn, tham mưu cho chính quyền đô thị về mặt chuyên môn trong việc chỉ đạo xây dựng và phát triển kiến trúc đô thị.

Dự thảo Đề án nêu ra một số kiến nghị sau:

- KTSTTP thuộc cơ cấu của bộ máy nhà nước áp dụng cho các đô thị loại 3 trở lên.

- Việc áp dụng mô hình KTSTTP xuất phát từ nhu cầu phục vụ việc chỉ đạo xây dựng và quản lý quy hoạch kiến trúc tại mỗi đô thị, do người đứng đầu chính quyền đô thị quyết định phù hợp với thực tế của mỗi địa phương.

- Việc áp dụng mô hình KTSTTP được triển khai đồng thời với mô hình chính quyền đô thị áp dụng sau năm 2010.

Hiện nay, dự thảo Đề án mô hình Kiến trúc sư trưởng thành phố đang được Bộ Xây dựng lấy ý kiến đóng góp của các cơ quan liên quan ở trung ương và địa phương để tiếp tục hoàn thiện nội dung.

Việc dự thảo cũng như thực hiện Đề án mô hình KTSTTP sẽ góp phần quan trọng cho sự phát triển của các đô thị nước ta theo hướng ổn định, hài hòa và phù hợp với quy hoạch.

Huỳnh Phước

Trung Quốc siết chặt công tác quản lý chất lượng công trình

Để thích ứng với nhu cầu phát triển nhanh chóng của ngành xây dựng, thành phố Khâm Châu đã thường xuyên tổng kết kinh nghiệm từ các công trình xây dựng, đồng thời căn cứ vào pháp luật, pháp quy, quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật, điều khoản có tính chất bắt buộc và tiêu chuẩn kiểm nghiệm đánh giá hiện hành, để từ đó thiết lập và thực hiện hệ thống quản lý chất lượng 3 cấp “nhà nước giám sát đôn đốc, xã hội quản lý, doanh nghiệp tự chủ”. Hệ thống quản

lý chất lượng 3 cấp này là một phần trong hệ thống quản lý chất lượng cơ bản của Trung Quốc, và cũng là yêu cầu khách quan của nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa. Sử dụng cơ chế thị trường và chức năng giám sát đôn đốc hành chính nhà nước để ràng buộc trách nhiệm các bên tham gia xây dựng theo pháp luật, pháp quy, quy phạm và tiêu chuẩn kỹ thuật do nhà nước đề ra nhằm khống chế chi phí xây dựng, nâng cao hiệu quả, đảm bảo hoàn thành

mục tiêu xây dựng.

- Nhà nước giám sát đôn đốc: là nhà nước căn cứ “ Điều lệ quản lý chất lượng công trình xây dựng” để thực hiện chế độ quản lý, các ban ngành giám sát chất lượng công trình được nhà nước ủy thác căn cứ pháp luật, pháp quy, quy phạm kỹ thuật hiện hành, quy trình và tiêu chuẩn kiểm tra đánh giá chất lượng, thay mặt nhà nước thực hiện giám sát việc thực hiện các công tác khảo sát, thiết kế, thi công; đơn vị giám sát trong giai đoạn thi công, vận dụng pháp luật, pháp quy để ngăn chặn và điều chỉnh các hành vi xây dựng gây ảnh hưởng đến chất lượng công trình của các bên có trách nhiệm, đồng thời tiến hành giám sát chất lượng đối với công trình đó.

- Xã hội quản lý: là việc giao cho đơn vị quản lý công trình có đủ năng lực được quyền tiến hành quản lý việc thực hiện hợp đồng thi công, đảm bảo chất lượng công trình, tiến độ, chi phí xây dựng và việc chấp hành “Quy phạm quản lý công trình xây dựng”.

- Doanh nghiệp tự chủ: là đơn vị thi công cần phải thiết lập cơ chế trách nhiệm chất lượng, phân công nhân viên quản lý dự án, nhân viên phụ trách kỹ thuật và nhân viên quản lý thi công của dự án công trình, thiết lập hệ thống quản lý chất lượng thi công, đồng thời phải thiết lập, kiện toàn chế độ kiểm tra chất lượng thi công, quản lý chặt chẽ quy trình thi công, tăng cường công tác tự kiểm, hỗ trợ kiểm tra, kiểm tra chéo trong quá trình thi công, thông qua công tác tự kiểm nắm vững chất lượng công trình.

Trong hệ thống quản lý chất lượng 3 cấp thì doanh nghiệp tự chủ là khâu cơ bản, quản lý công trình là khâu mấu chốt, nhà nước giám sát là cơ sở đảm bảo. Vì vậy, công tác quản lý chất lượng các đơn vị đầu tư xây dựng, đơn vị thiết kế, đơn vị thi công, đơn vị quản lý trong hệ thống này đều vô cùng quan trọng.

1- Quản lý chất lượng của đơn vị đầu tư xây dựng

- Đơn vị đầu tư xây dựng phải căn cứ pháp luật, pháp quy của nhà nước và yêu cầu của ban quản lý hành chính để thiết lập, kiện toàn

hệ thống quản lý chất lượng, chế độ quản lý chất lượng và chế độ trách nhiệm thực hiện.

- Đơn vị đầu tư xây dựng phải nghiêm khắc thực hiện theo trình tự xây dựng cơ bản. Căn cứ đặc điểm và yêu cầu kỹ thuật của công trình mà xác định thời hạn thi công hợp lý, chi phí hợp lý, thông qua đấu thầu để lựa chọn đơn vị khảo sát, đơn vị thiết kế, đơn vị thi công, đơn vị quản lý và tiến hành ký kết hợp đồng với từng đơn vị, đồng thời thực hiện quản lý hợp đồng. Ngoài ra còn bắt buộc tuân thủ theo các quy định của pháp luật, pháp quy về an toàn sản xuất.

2- Quản lý chất lượng của đơn vị thiết kế

- Đơn vị khảo sát và đơn vị thiết kế cần phải có giấy phép hành nghề và chỉ tiếp nhận công trình tương ứng với giấy phép được cấp. Đơn vị thiết kế chỉ nhận nhiệm vụ khảo sát thiết kế tương ứng với trình độ và phạm vi nghiệp vụ của mình. Đơn vị thiết kế cần tiến hành khảo sát thiết kế theo tiêu chuẩn bắt buộc của công trình xây dựng, đồng thời nắm vững và chịu trách nhiệm về chất lượng công trình đã khảo sát thiết kế.

- Đơn vị thiết kế cần thiết lập và kiện toàn hệ thống quản lý chất lượng thiết kế, tăng cường kiểm soát chất lượng trong toàn quá trình thiết kế. Thiết lập và hoàn thiện chế độ lập, thẩm tra đối chiếu, ký kết và phê duyệt hồ sơ thiết kế, phân công người phụ trách công tác chất lượng trong từng giai đoạn, đồng thời phụ trách công tác chất lượng thiết kế trong niên hạn sử dụng.

3- Quản lý chất lượng của đơn vị thi công

- Đơn vị thi công cần có giấy phép hành nghề theo đúng pháp luật và chỉ tiếp nhận công trình tương ứng với giấy phép được cấp. Chỉ được tham gia đấu thầu và thi công công trình trong phạm vi khả năng và nghiệp vụ, đồng thời phải chịu sự kiểm tra giám sát của cơ quan giám sát chất lượng nhà nước.

- Đơn vị thi công cần thiết lập và kiện toàn chế độ kiểm tra chất lượng công trình, quản lý chặt chẽ trình tự thi công, làm tốt công tác kiểm tra và ghi chép chất lượng công trình ngầm, nghiêm khắc chấp hành yêu cầu về pháp luật, pháp quy, tiêu chuẩn kỹ thuật của công trình, tổ chức thi công theo yêu cầu trong hồ sơ thiết kế,

hợp đồng thi công và công nghệ thi công, đồng thời chịu trách nhiệm về chất lượng công trình thi công.

4- Quản lý chất lượng phía đơn vị quản lý giám sát

Nhà nước ban hành chế độ giám sát quản lý công trình xây dựng, đơn vị quản lý giám sát cần có giấy phép hành nghề phù hợp yêu cầu do nhà nước quy định, đồng thời chỉ được quản lý giám sát công trình trong phạm vi quy định trong giấy phép. Phải thực hiện theo đúng pháp luật, pháp quy, tiêu chuẩn kỹ thuật, hồ sơ thiết kế và hợp đồng thầu, thay mặt đơn vị đầu tư xây dựng thực hiện giám sát quản lý và chịu trách nhiệm về chất lượng thi công. Việc giám sát quản lý là khâu mấu chốt trong công tác quản lý chất lượng công trình. Thực tế cho thấy việc nhà nước ban hành chế độ giám sát quản lý có tác dụng rất lớn đối với việc nâng cao chất lượng công trình, đảm bảo thời hạn thi công, kiểm soát đầu tư, nâng cao hiệu quả, là sự kết hợp hữu cơ giữa xây dựng và chất lượng, số lượng và hiệu quả trong lĩnh vực quản lý. Vì vậy để quản lý năng lực doanh nghiệp quản lý giám sát công trình nhà nước quy định như sau:

- Đơn vị quản lý giám sát phải tiếp nhận sự kiểm tra giám sát đôn đốc về tư cách quản lý, hệ thống quản lý chất lượng quản lý giám sát và chất lượng công tác quản lý giám sát theo cơ cấu giám sát của nhà nước.

- Đơn vị quản lý giám sát phải nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, pháp quy, quy phạm và tiêu chuẩn kỹ thuật trong xây dựng công trình. Nghiêm chỉnh thực hiện hợp đồng quản lý và hợp đồng thầu quản lý giám sát công trình thi công.

- Kiến trúc sư giám sát công trình muốn hành nghề phải có văn bằng chứng nhận kỹ sư giám sát công trình do cơ quan quản lý hành chính chính nhân sự và cơ quan quản lý hành chính xây dựng Quốc vụ viện cấp. Các nhân viên giám sát khác cũng cần phải qua đào tạo, có đủ năng lực và trách nhiệm thực hiện nghiệp vụ giám sát.

- Nhân viên giám sát cần có lòng yêu nghề sâu sắc và tinh thần trách nhiệm chính trị cao

đối với nhân dân, toàn tâm toàn ý vì nhân dân phục vụ, công bằng chính trực chấp hành luật pháp, có tinh thần trách nhiệm, làm tròn chức trách, tạo dựng một nền móng tốt đẹp đảm bảo chất lượng công trình.

5- Quản lý chất lượng từ phía cơ quan giám sát

Cơ quan giám sát chất lượng là bộ phận thừa hành chức năng của nhà nước, thay mặt nhà nước tiến hành giám sát chất lượng công trình, cần có sự phối hợp chuyên nghiệp hợp lý giữa các nhân viên giám sát, nhân viên giám sát phải có kinh nghiệm thực tế phong phú, có tố chất nghiệp vụ kỹ thuật cao, nắm vững chính sách và có tư tưởng vững vàng. Mục đích lớn nhất của nhà nước về việc giám sát chất lượng công trình là nhằm bảo vệ lợi ích chung của xã hội, bảo đảm chấp hành quy định của pháp luật và tiêu chuẩn kỹ thuật. Công tác khống chế chủ yếu căn cứ vào pháp luật, pháp quy, tiêu chuẩn kỹ thuật các điều khoản bắt buộc trong xây dựng của nhà nước.

- Chủ yếu giám sát hành vi của các bên có trách nhiệm.

- Thường xuyên tiến hành kiểm tra các khâu trong giai đoạn thi công để xem có phù hợp với các quy định trong các tiêu chuẩn và quy phạm kỹ thuật.

- Trong quá trình nghiệm thu hoàn thành công trình các bên có trách nhiệm phải chấp hành pháp luật, pháp quy, quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn kiểm tra đánh giá do nhà nước quy định, đồng thời tiến hành thẩm tra đối chiếu với tài liệu quy định chất lượng của đơn vị thi công và đơn vị quản lý. Công tác giám sát do tổ nghiệm thu công trình của bên tham gia xây dựng do chủ đầu tư tổ chức tiến hành. Nội dung công tác và trách nhiệm cụ thể như sau:

a- Cơ quan giám sát phải thiết lập kiện toàn cơ chế công tác giám sát, hoàn thiện phương pháp quản lý giám sát, nghiêm chỉnh chấp hành quy định, pháp luật, công chính liêm minh. Kiểm tra giấy phép xây dựng. Kiểm tra công tác giám sát, thiết kế, quản lý, thi công, tư chất của đơn vị sản xuất bê tông trộn sẵn, tư

cách của nhân viên thi hành. Lúc cần thiết cần kiểm tra cơ cấu kiểm định, cơ cấu thẩm tra sơ đồ thi công và tư cách nhân viên thi hành.

b- Cơ quan giám sát tiến hành giám sát hành vi của các đơn vị xây dựng, đơn vị thiết kế, đơn vị thi công và đơn vị quản lý; giám sát chất lượng xây dựng công trình của đơn vị thiết kế, đơn vị thi công và đơn vị quản lý; kiểm tra tình hình chấp hành pháp luật pháp quy và tiêu chuẩn bắt buộc trong xây dựng công trình của các bên và nhân viên thi hành trong quá trình thi công công trình.

c- Cơ quan giám sát áp dụng phương thức giám sát từng khâu trong xây dựng, đồng thời vận dụng pháp luật và các biện pháp hành chính để ngăn chặn và điều chỉnh những hành vi xây dựng gây ảnh hưởng đến chất lượng công trình. Khi nghiệm thu hoàn thành công trình cơ quan giám sát phải tiến hành giám sát chất lượng công trình theo đúng pháp luật, pháp quy. Các công trình chưa thông qua nghiệm thu giám sát không được phép bàn giao sử dụng.

d- Cơ quan giám sát cần có đủ điều kiện, năng lực giám sát và kiểm định. Căn cứ vào nhu cầu có thể ủy thác cho đơn vị kiểm định có đủ khả năng tiến hành kiểm định.

Tóm lại, để làm tốt công tác giám sát chất lượng phải nắm vững 3 khâu “ khởi công, thi công và giám sát nghiệm thu”, thể hiện 3 đặc điểm “quyền uy, khoa học và minh bạch”, vận dụng tốt 3 quyền “ quyền giám sát chất lượng, quyền phủ nhận chất lượng, quyền kiểm định chất lượng”, nắm bắt 3 yếu tố quan trọng “công

trình quan trọng, vị trí quan trọng, đơn vị quan trọng”. Đây là những yếu tố quan trọng để làm tốt công tác chất lượng. Theo góc độ khách quan là như sau:

- Thẩm tra kỹ năng lực của đơn vị thiết kế, đơn vị thi công và đơn vị quản lý.

- Kiên quyết áp dụng quyền phủ nhận chất lượng, điều tra tìm ra sự cố về chất lượng công trình, nắm vững khâu giám sát chất lượng thiết kế, thi công.

- Triển khai hoạt động kiểm tra an toàn chất lượng công trình, kết hợp triển khai thực hiện “công trình đô thị xanh sạch” và hoạt động chỉnh đốn “ tình trạng thiếu trật tự tại công trường thi công” do tỉnh Quảng Tây đề ra, đồng thời tăng cường quản lý thi công văn minh. Kịp thời nắm bắt động thái an toàn chất lượng và tình hình thực hiện biện pháp giám sát công tác quản lý chất lượng.

- Tăng cường công tác giám sát trong các khâu. Kiểm định công trình bằng máy kiểm định tiên tiến nhằm đảm bảo số liệu kiểm tra chân thực, chính xác và đáng tin cậy.

Quản lý chất lượng công trình là sinh mạng công trình xây dựng, là khâu quan trọng thúc đẩy ngành xây dựng phát triển vững mạnh. Chúng ta phải nỗ lực, không ngừng thăm dò, cải tiến và áp dụng các đối sách hiệu quả trong công tác quản lý mới có thể đảm bảo chất lượng công trình.

ND: Hoàng Đại Hải

Nguồn: Tạp chí xây dựng Trung Quốc
Số 606, tháng 12/2007

Tin Xây dựng quốc tế qua mạng Internet

Nhu cầu của thế giới về cốt liệu xây dựng tăng cao

Theo Báo cáo tình hình sử dụng cốt liệu xây dựng của thế giới do Công ty nghiên cứu thị trường công nghiệp Freedonia của Mỹ cho biết, nhu cầu của thế giới về cốt liệu xây dựng dự kiến sẽ tăng trên 4,7%/năm trong vòng 4 năm

tới đến 2011, với 26,8 tỷ tấn tương đương với 201 tỷ USD.

Cũng theo báo cáo này, quá trình công nghiệp hoá và sự tăng trưởng ngày càng mạnh mẽ trong lĩnh vực xây dựng cơ sở hạ tầng, hoạt động kinh doanh cốt liệu sẽ phát triển tại thị trường Ấn Độ, Trung Quốc và các thị trường nhỏ hơn như Indonesia, Thái Lan, một số quốc

gia đang phát triển ở châu Á và Iran .

Hoạt động kinh doanh cốt liệu diễn ra không mạnh ở các quốc gia phát triển như Mỹ, Nhật và Tây Âu. Tuy nhiên, việc tu bổ cơ sở hạ tầng và xây dựng, bảo dưỡng công trình sẽ thúc đẩy nhu cầu sử dụng cốt liệu ở các khu vực này từ nay cho đến năm 2011.

Năm 2011, Mỹ sẽ cần sử dụng một lượng cốt liệu là 26.800 triệu tấn. Nhu cầu về cốt liệu ở khu vực châu Á- Thái Bình Dương sẽ đạt mức 14200 triệu tấn. Trong khi đó, nhu cầu sử dụng cốt liệu ở khu vực Tây Âu sẽ là 3.210 triệu tấn và các khu vực còn lại của thế giới là 4.830 triệu tấn.

Cốt liệu xây dựng sử dụng đối với lĩnh vực không thuộc thi công xây lắp chiếm hơn 70% nhu cầu cốt liệu của toàn thế giới năm 2006, được dự đoán sẽ tăng trưởng nhanh trong những năm tới. Đặc biệt là lĩnh vực phát triển đường bộ, đường cao tốc ở các quốc gia đang phát triển.

Nhu cầu về cốt liệu trong sản xuất bê tông nhựa sẽ tăng nhanh nhờ sự tăng trưởng về xây dựng đường sá và bảo dưỡng các công trình giao thông trên khắp thế giới.

<http://www.khl.com/>

Các hoạt động giao dịch nhà ở chứng lại ở các thành phố lớn của Trung Quốc

Theo Tạp chí Chứng khoán Trung Quốc, trong những tuần đầu của năm 2008, doanh thu liên quan tới lĩnh vực nhà ở đã giảm. Tại các thành phố như Bắc Kinh, Vũ Hán và Trùng Khánh, các hoạt động giao dịch nhà ở trong tuần đầu tiên của tháng 1 đã giảm trên 20% so với 1 tuần trước đó.

Giao dịch nhà ở tại thành phố Thâm Quyến, một thành phố đang phát triển ở miền nam Trung Quốc, đã giảm 38%, còn tại Nam Kinh, thủ phủ của tỉnh duyên hải Giang Tô, con số này là 52%.

Nhận xét về giao dịch nhà ở đang giảm sút liên tục ở phần lớn các thành phố, chủ tịch tập

đoàn Vanke, tập đoàn phát triển bất động sản lớn nhất Trung Quốc, ông Wang Shi cho rằng, “bước ngoặt” của thị trường bất động sản Trung Quốc đã đến. Lời bình luận này đã gây ra sự tranh luận gay gắt, một số nhà bất động sản cho rằng ông đã khuyến khích thái độ “chờ và xem” của người tiêu dùng.

Giá nhà ở cũng có sự thay đổi ở các thành phố khác nhau với khối lượng giao dịch giảm. ở Bắc Kinh, giá bán nhà ở tăng nhẹ, khoảng 1,33% trong tuần đầu của tháng 1, trong khi đó giá nhà ở Thâm Quyến giảm trung bình 3,96%. Các công ty phát triển bất động sản ở Bắc Kinh đã cố gắng thu hút thêm khách hàng bằng cách đưa ra các chương trình giảm giá hoặc chương trình “quà tặng đặc biệt” như gửi xe miễn phí hoặc trang trí nhà ở miễn phí. Bên cạnh đó, các công ty còn hợp tác trong vấn đề giảm giá nhà ở nhằm tăng doanh thu. Tuy nhiên, những người dân thường vẫn không thể mua được một căn hộ thương mại trong các khu vực buôn bán kinh doanh ở thành phố.

Giám đốc công ty phát triển bất động sản SOHO, ông Pan Shiyi cho rằng, giá nhà ở có thể sẽ tiếp tục được kiểm chế trong năm 2008 và 2009 do chính phủ cung cấp thêm nhiều nhà ở giá rẻ và nhà cho thuê giá rẻ nhằm đáp ứng nhu cầu của người dân có mức thu nhập trung bình và thấp.

Giá nhà ở của Trung Quốc đã tăng trong vài năm qua. Tuy nhiên, chính phủ Trung Quốc đã thực hiện một loạt biện pháp, kể cả kiểm soát đất và các chính sách thế chấp nhà ở chặt chẽ hơn nhằm hạn chế đầu cơ trong ngành bất động sản.

<http://news.xinhuanet.com>

Bùng nổ xây dựng ở khu vực Đông Nam Á

Theo thống kê của BCI Asia, số lượng các dự án dự kiến khởi công trong năm 2008 ở khu vực Đông Nam Á tăng 45% so với 1 năm trước đó do gia tăng nhu cầu về các công trình liên quan tới giao thông, khu văn phòng, các công

trình y tế và các khu triển lãm ở Đông Nam Á. Riêng ở Trung Quốc, số lượng các dự án dự kiến khởi công tăng 21%, chủ yếu là xây dựng nhà ở.

Có sự thay đổi lớn về xu hướng xây dựng trong năm 2008 ở Trung Quốc, từ các dự án khách sạn, giải trí và công nghiệp chuyển hướng sang các dự án nhà ở quy mô lớn. Số lượng các dự án khách sạn và các công trình giải trí giảm lần lượt 23% và 16% do phần lớn các công trình phục vụ Olympic Bắc Kinh đã gần được hoàn tất. Xu hướng chuyển từ các dự án công nghiệp (giảm 10%) sang nhà ở (tăng 44%) phản ánh sự đi lên của xã hội Trung Quốc.

Việt Nam là quốc gia có tốc độ phát triển dự án nhà ở quy mô lớn nhanh nhất ở Đông Nam Á với một loạt chung cư cao tầng dự kiến sẽ khởi công tại các thành phố lớn. Ngoài Việt Nam, tốc độ phát triển của các dự án nhà ở quy mô lớn vẫn diễn ra rất mạnh ở Hồng Kông (tăng 91%) và ở Trung Quốc (tăng 44%) với diện tích sàn từ 500.000m² trở lên.

Trên toàn khu vực, giao thông là ngành tăng trưởng nhanh nhất (tăng tới 235%) do một loạt các dự án ở Thái Lan, Malaysia và Trung Quốc chuẩn bị được khởi công trong năm 2008. Khởi công công trình văn phòng dự báo tăng 23% do nhu cầu tăng mạnh ở Singapore, nơi các giao dịch cho thuê văn phòng tăng gấp đôi trong năm 2007.

Khởi công các dự án nhỏ lẻ tăng 24% trên toàn khu vực với sự tăng trưởng nhanh chóng ở Việt Nam (tăng 234%), Thái Lan (tăng 126%), Singapore (tăng 70%) và Trung Quốc (tăng 19%). Tuy nhiên, các dự án nhỏ lẻ lại giảm ở Hồng Kông (giảm 36%), Philippin (giảm 18%) và Indonesia (giảm 13%), nơi các hoạt động xây dựng của hàng phát triển mạnh trong những năm qua.

Khởi công khách sạn dự báo tăng chỉ 1% trên toàn khu vực. Việt Nam là thị trường nóng nhất về xây dựng khách sạn mới với số lượng các dự án dự kiến khởi công tăng 302% trong

năm 2008, bao gồm các khu nghỉ dưỡng ở biển và các dự án sinh thái du lịch.

Malaysia đang thu hút thêm khách du lịch với các khách sạn lớn dự kiến đặt ở Malacca, Sabah, Kuala Lumpur và Penang. Cebu và Manila là các địa điểm xây dựng khách sạn chính đối với người Philippin. Trong khi ở Indonesia, các khách sạn lớn dự kiến khởi công trong năm nay sẽ được xây dựng ở Bali, miền trung Java và Jakarta.

Xây dựng phục vụ ngành giáo dục/nghiên cứu tăng 19% trên toàn khu vực với số lượng lớn các dự án xây dựng trường đại học, trường phổ thông và các trung tâm nghiên cứu ở Hồng Kông, Singapore, Việt Nam, Malaysia và Thái Lan.

<http://www.bciasia.com>

Phân tích hư hỏng của các dầm RC gia cường FRP

Tạp chí Hỗ trợ trong Xây dựng (Mỹ), tháng 1-2/2008

Tác giả: Priyam Saxena(1), Houssam Toutanji(2), Albert Noumowe(3)

(1) Khoa Xây dựng Dân dụng và Môi trường, Đại học Alabama, Huntsville, Mỹ

(2) Giáo sư, Khoa Xây dựng Dân dụng và Môi trường, ĐH Alabama, Huntsville, Mỹ. E-mail: toutanji@cee.uah.edu

(3) Khoa Xây dựng Dân dụng, Đại học Cergy-pontoise, Pháp

Tóm tắt nghiên cứu: ứng dụng polyme cốt sợi (FRP) là một phương pháp đem lại hiệu quả cao khi sửa chữa và gia cường các kết cấu bị xuống cấp trong quá trình sử dụng. Tài liệu này đi sâu vào nghiên cứu khả năng ứng dụng các mô hình hiện có nhằm dự báo hư hỏng tách lớp trong các dầm RC gia cố bên ngoài bằng FRP. Việc dự báo giới hạn mà tại đó FRP tách khỏi dầm là rất quan trọng nhằm ngăn ngừa các hư hỏng sớm. Tuy nhiên, các mô hình hiện nay vẫn chưa đưa ra được khả năng dự báo liên kết một cách tỷ mỉ do chỉ dựa trên cơ sở một số lượng nhỏ dữ liệu thử nghiệm. Do đó, cần so

sánh công tác dự báo với cơ sở dữ liệu mở rộng của các dầm đã được gia cố. Công tác thí nghiệm đã được thu thập từ các tài liệu nhằm xây dựng cơ sở dữ liệu của 163 dầm đã trải qua các thử nghiệm uốn 3 điểm và 4 điểm. Các mô hình khác nhau được áp dụng cho cơ sở dữ liệu mở rộng và ứng xử của mỗi mô hình được phân tích bằng cách sử dụng các tham số bằng thống kê.

<http://ascelibrary.aip.org>

Tác dụng của các thanh CFRP ứng suất trước đối với các dầm bê tông ứng lực trước

Tạp chí Hỗ trợ trong Xây dựng (Mỹ), tháng 1 -2/2008

Tác giả: Mohammad Reza Aram(1), Christoph Czaderski(2) và Masoud Motavalli(3)

(1) Nghiên cứu sinh, Khoa Xây dựng Dân dụng, Đại học Tehran, Iran. E-mail: maram@ut.ac.ir

(2) Trưởng nhóm dự án, Phòng Thí nghiệm Nghiên cứu và Thử nghiệm Vật liệu Liên bang Thụy Sĩ, Thụy Sĩ. E-mail: christoph.czaderski@empa.ch

(3) Phó giáo sư, Khoa Xây dựng Dân dụng, Đại học Tehran và Empa, Phòng Thí nghiệm Nghiên cứu và Thử nghiệm Vật liệu Liên bang Thụy Sĩ, Thụy Sĩ. E-mail: masoud.motavalli@empa.ch

Tóm tắt nghiên cứu: 4 dầm bê tông ứng suất trước đã được đúc và kiểm tra nhằm nghiên cứu tác dụng của việc gia cố sau bằng các thanh polyme cốt sợi các bon ứng suất trước. Một dầm được dùng làm dầm chuẩn, một dầm khác được đúc bằng thanh CFRP chưa kéo và 2 dầm còn lại được gia cường bằng các thanh CFRP ứng suất trước tại 2 mức ứng suất khác nhau. Nghiên cứu sử dụng phương pháp gradien để neo các thanh CFRP ứng suất trước. Từ đó, công bố kết quả so sánh giữa các tính toán thử nghiệm với các kết quả kiểm tra thực tế. Ngoài ra, nghiên cứu còn giải thích các dạng hư hỏng khác nhau, trên cơ sở đó đưa ra các đề xuất

cho việc sử dụng các thanh CFRP được neo bằng phương pháp gradien.

<http://ascelibrary.aip.org>

Gia cường độ uốn của các dầm RC bằng các tấm CFRP ứng suất trước: Phát triển các hệ thống neo phi kim loại

Tạp chí Hỗ trợ trong Xây dựng (Mỹ), tháng 1-2/2008

Tác giả: Yail J. Kim(1), R. Gordon Wight(2) và Mark F. Green(3)

(1) Phó tiến sĩ, Khoa Xây dựng Dân dụng, Đại học Queens, Canada. E-mail: jimmy@civil.queensu.ca

(2) Phó giáo sư, Khoa Xây dựng Dân dụng, Trường Cao đẳng Quân đội Hoàng gia Canada. E-mail: wight-g@rmc.ca

(3) Giáo sư, Khoa Xây dựng Dân dụng, Đại học Queens, Canada. E-mail: greenm@civil.queensu.ca

Tóm tắt nghiên cứu: Tài liệu này giới thiệu một kỹ thuật neo cải tiến để gia cường các dầm bê tông cốt thép bằng các tấm polyme cốt sợi các bon ứng suất trước (CFRP). Các neo bằng thép cố định thường được dùng để ghép các tấm CFRP ứng suất trước. Tuy nhiên, các neo thép dễ bị ăn mòn và có thể không phù hợp với yêu cầu thẩm mỹ của kết cấu. Do đó, cần có giải pháp tháo rời các neo thép sau khi truyền ứng suất cần thiết sang kết cấu với mức độ tổn hao ứng suất trước tối thiểu. Tài liệu này nghiên cứu và công bố một kỹ thuật thay thế các neo thép bằng các neo phi kim. 9 dầm bê tông cốt thép đôi được thử nghiệm bằng các hệ thống neo phi kim khác nhau. Kết quả cho thấy, các neo phi kim trong thử nghiệm truyền được ứng lực trước trong các tấm CFRP với mức độ tổn hao ứng suất trước không đáng kể.

<http://ascelibrary.aip.org>

ND: Nguyễn Hồng Trang

BỆNH VIỆN XÂY DỰNG TỔ CHỨC LỄ KỶ NIỆM NGÀY THẦY THUỐC VIỆT NAM 27-2 VÀ KHAI TRƯƠNG TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ BỆNH VIỆN XÂY DỰNG



Đ/c Nguyễn Hồng Quân - Ủy viên TƯ Đảng, Bộ trưởng Bộ Xây dựng phát biểu tại buổi Lễ



Đ/c Lê Thị Hằng - Giám đốc Bệnh viện Xây dựng trình bày báo cáo tổng kết công tác năm 2007 và kế hoạch công tác năm 2008 của Bệnh viện Xây dựng